

Chương 3

PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỜI LÝ - TRẦN

Click to add text

Chương này trình bày tình hình Phật giáo từ năm 939 đến năm 1400, bao gồm giai đoạn củng cố nền tự chủ từ năm 939 đến năm 1009, trải qua các triều Ngô, Đinh và Tiền Lê; tiếp đó là giai đoạn Phật giáo hưng thịnh dưới triều Lý (1010-1225) và sau cùng là giai đoạn Phật giáo được Việt hóa sâu đậm hơn dưới triều Trần (1225-1400).

3.1. PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỜI NGÔ, ĐÌNH, TIỀN LÊ (939-1009)

3.1 1. Bối cảnh lịch sử - văn hóa thời Ngô, Đinh, Tiền Lê

- ▶ Thế kỷ thứ X đánh dấu việc người Việt bắt đầu thực sự giành được quyền tự chủ. Mặc dù vậy, người Việt vẫn phải không ngừng đương đầu với mọi mưu toan xâm lược từ bên ngoài trong lúc cố gắng thống nhất đất nước trước nạn cát cứ và ổn định xã hội trước tình trạng thiếu kỷ cương sau những năm dài tranh đấu giành độc lập. Trong bối cảnh ấy, những vương triều đầu tiên của Việt Nam buộc phải có những biện pháp cứng rắn, cho dù văn hóa và tín ngưỡng bản địa của người Việt lúc này đã chịu ảnh hưởng Phật giáo, trong đó Thiên và Mật là hai yếu tố chính, trở thành hệ tư tưởng chủ đạo, vốn ôn hòa.

- ▶ Sau khi đánh thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng vào cuối năm 938, năm 939 Ngô Quyền xưng vương, định đô ở Cổ Loa, đặt trăm quan, định triều nghi, mở ra thời kỳ tự chủ cho người Việt, nhưng chỉ cai trị được 6 năm thì mất (944), thọ 47 tuổi, các con còn nhỏ. Khi vương mất, Dương Tam Kha cướp ngôi, có thể coi là đầu mối của tình trạng loạn sứ quân kéo dài suốt 24 năm.
- ▶ Đinh Bộ Lĩnh khắc phục loạn sứ quân bằng các biện pháp vừa quân sự vừa chính trị, thống nhất đất nước, lên ngôi năm 968, xưng đế (sử sách tôn xưng là Đinh Tiên Hoàng), đặt tên nước là Đại Cồ Việt (chữ Cồ trong tên nước là chữ Nôm), định đô ở Hoa Lư,
- ▶ Nhà Tống không hài lòng việc Đinh Tiên Hoàng xưng là hoàng đế ở trong nước, nhưng năm 975 vẫn công nhận vua là An Nam Quận vương. Do năm 978 Đinh Tiên Hoàng lập con út là Hạng Lang mới 4 tuổi làm thái tử, đầu năm 979, Đinh Liễn, là con trưởng đã vào sinh ra tử cùng với cha dựng nghiệp, uất ức, sai người giết Hạng Lang. Cuối năm ấy, Đinh Tiên Hoàng và Đinh Liễn cùng bị thích khách giết. Vua chỉ cầm quyền được 12 năm, thọ 56 tuổi.

- ▶ Nghe tin nhà Tống sẽ lợi dụng sự rối loạn cung đình nhà Đinh để mang quân sang, năm 980, triều thần tôn Thập đạo Tướng quân Lê Hoàn lên làm vua vẫn đóng đô ở Hoa Lư, đặt niên hiệu là Thiên Phúc, chuẩn bị binh lực đối phó với quân nhà Tống,
- ▶ Năm 981, nhà Tống xua quân sang xâm lăng; vua thân chinh phá tan quân Tống, sau đó sai sứ cống nạp và nhũn nhận dâng biểu xin tạ tội, cốt giữ yên đất nước.
- ▶ Tháng 10 năm 1005, Lê Long Việt theo di mệnh lên ngôi nhưng chỉ ba ngày sau đã bị em là Lê Long Đĩnh cho thích khách giết. Lê Long Đĩnh lên ngôi nhưng chỉ làm vua được 4 năm thì bị bệnh mất vào năm 1009, thọ 24 tuổi.
- ▶ Lê Long Đĩnh cũng có những hoạt động nhằm ổn định đất nước, phát triển kinh tế và văn hóa; năm 1007, vua sai sứ cống nhà Tống một con tê ngưu trắng, đồng thời xin thỉnh *Đại tạng kinh*. Sử chép: *“Vua tính hiếu sát... vua băng ở tấm điện, gọi là Ngọa Triều, vì vua mắc bệnh trĩ phải nằm mà coi châu. Con vua còn nhỏ,*
- ▶ Đào Cam Mộc vận động các quan tôn Lý Công Uẩn lên làm vua, mở ra triều nhà Lý. Nhà Tiền Lê chấm dứt.



- ▶ Trong 70 năm đó, xã hội Việt Nam đi dần vào ổn định và vị thế của Đại Việt đã được nâng lên thành một nhà nước chứ không còn là một địa phương phụ thuộc Trung Hoa như trước.
- ▶ Văn minh vật chất cũng tiến một bước; nhà nước đã tổ chức đào kênh đắp đê để phát triển nông nghiệp; thương mại thịnh vượng nhờ mở mang đường sá để vận chuyển hàng hóa và lập thêm nhiều chợ ở các làng, lại thương lượng để có thể mang hàng hóa sang bán ở một vài nơi trên đất Trung Hoa; tiểu thủ công nghiệp có thêm các nghề trồng dâu nuôi tằm dệt lụa làm giấy.
- ▶ Về mặt tư tưởng, tinh thần dân tộc được củng cố, quan niệm dân chủ làng xã, tôn trọng phụ nữ và đời sống cá nhân cũng như thái độ thân thiện với thiên nhiên vẫn được duy trì; trên cơ sở đó, xã hội Đại Việt đã chọn lọc, tiếp thu và đồng hóa các yếu tố cả Nho giáo lẫn Phật giáo. Nho giáo vẫn chưa có sắc thái cứng cỏi của cương thường tuyệt đối; Phật giáo mang đậm tính dân gian và nhập thế chứ không có tính yếm thế thoát tục. Các vị Thiền sư thông tuệ nhiều hơn các nhà nho uyên bác. Phật giáo cắm rễ sâu hơn vào đời sống tâm tư, tình cảm của con người. Đã hình thành một tầng lớp trí thức Phật giáo có hiểu biết cả về Nho giáo.

3.1.2. Tình hình Phật giáo Việt Nam thời Ngô, Đinh, Tiền Lê

- ▶ Phật giáo phát triển trên nền tảng sinh hoạt Phật giáo Thiền tông của dòng thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi và Vô Ngôn Thông
- ▶ Ngô Chân Lưu, được phong Tăng thống dưới triều nhà Đinh và tiếp tục góp ý về chính sự dưới triều Tiền Lê. Việc đặt chức Tăng thống chứng tỏ số lượng tăng sĩ trong nước đã nhiều nên mới cần người giữ giềng mối.
- ▶ Dưới thời Đinh Tiên Hoàng, *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* ghi: “Tăng thống Ngô Chân Lưu được ban hiệu Khuông Việt Đại sư, Trương Ma Ni làm Tăng lục. Đạo sĩ Đặng Huyền Quang được trao chức Sùng chân uy nghi”, nghĩa là chỉ sau 3 năm cầm quyền, Đinh Tiên Hoàng đã quan tâm đến việc sắp xếp tổ chức quản lý tăng và đạo. Trong hai người được cử nhiệm vụ liên quan đến tăng sĩ thì ngài Trương Ma Ni không có trong danh sách các Thiền sư được người sau ghi lại.

Những trung tâm Phật giáo

- ▶ Trước thế kỷ X, Phật giáo đã có mặt ở miền Bắc và vùng cực Bắc của miền Trung Việt Nam ngày nay, từ đồng bằng sông Hồng và vùng phụ cận vào đến tận Thanh Nghệ Tĩnh. Nơi Phật giáo hưng thịnh nhất vẫn là vùng đồng bằng sông Hồng.
- ▶ Đến thời Lý vua Lý Thái Tổ “...hạ lệnh cho các hương ấp, nơi nào có chùa quán đã đổ nát đều phải sửa chữa lại” cho thấy trước khi nhà nước Việt Nam được thành lập có quy củ thì chùa chiền do người dân tự ý xây dựng đáp ứng nhu cầu tâm linh đã không ít. Vì vậy mà có thể nói rằng đã có những trung tâm Phật giáo hoạt động lặng lẽ trong thời kỳ này.
- ▶ Một trung tâm Phật giáo khác trong thời kỳ này là trung tâm Hoa Lư thuộc Ninh Bình ngày nay. Hoa Lư chính là nơi triều nhà Đinh và nhà Tiền Lê định đô. Các vị vua thuộc hai triều đại này đều là những người mến mộ đạo Phật, đã cho xây dựng ở nơi này những ngôi chùa mà ngày nay còn có thể thấy được dấu vết.

3.2. PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỜI NHÀ LÝ (1010-1225)

- ▶ Vua Lý Thái Tổ cho dời đô về Thăng Long để *lập kế dài lâu*. Năm 1042, vua Lý Thái Tông ban hành bộ hình thư do nhà vua cho san lập từ trước để thống nhất việc xét xử trên tinh thần giảm khắc nghiệt, bớt oan uổng. Năm 1054, Lý Thánh Tông đổi tên nước từ Đại Cồ Việt thành Đại Việt.
- ▶ Ý thức dân tộc được nâng cao sau cuộc kháng chiến kháng Tống thắng lợi đầu năm 1077. Các lĩnh vực nông nghiệp thương nghiệp, quốc phòng phát triển
- ▶ Do nhà Lý mở triều đại nhờ vào sự ủng hộ chủ động của các vị Thiền sư, Phật giáo bắt đầu hưng thịnh. Nhà Lý kéo dài 216 năm, truyền được 9 đời. Năm 1225, Lý Chiêu Hoàng, vị vua cuối cùng triều nhà Lý, bị ép nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh. Triều nhà Lý chấm dứt. Xét về triều Lý, Hoàng Xuân Hãn đã viết: *"Đời Lý có thể gọi là đời thuần từ nhất trong lịch sử nước ta. Đó chính là nhờ ảnh hưởng của đạo Phật"*.

3.2.1. Vua quan nhà Lý với Phật giáo

3.2.1.1. Các vua

- ▶ Lý Công Uẩn, người mở đầu triều đại nhà Lý, được nuôi dưỡng và giáo dục trong môi trường Phật giáo. Thiền sư Vạn Hạnh là người un đúc cho Lý Công Uẩn
- ▶ Trong 18 năm giữ ngôi, vua Lý Thái Tổ đã cho xây dựng trong cả nước khoảng 300 ngôi chùa. Ngay năm đầu tiên, vua cho xây 8 ngôi chùa ở phủ Thiên Đức, Bắc Ninh là quê hương của mình; tại Thăng Long, trong thành xây chùa Hưng Thiên, ngoài thành dựng chùa Thắng Nghiêm; lại xây chùa Chân Giáo trong thành để tiện ngự nghe tụng kinh. Vua nhiều lần cho đúc những quả chuông lớn; cho người sang Tống thỉnh *Đại tạng* kinh rồi hai lần xuống chiếu ra lệnh chép kinh *Đại tạng*, dựng kho để chứa kinh; hai lần tổ chức giới đàn, có lần cho xuất gia hơn ngàn người.
- ▶ Vua Lý Thái Tông là một vị cư sĩ hộ pháp thuộc Thiền phái Vô Ngôn Thông thuộc thế hệ thứ bảy. Sau khi bình định châu Hoan, vua bảo trợ cho các hương ấp xây cả Phật tự lẫn Đạo quán tổng cộng 150 ngôi. Sau, vua cho đúc tượng Phật Đại Nguyên, làm 1.000 pho tượng Phật bằng gỗ, 1.000 bức tranh Phật và 10.000 cờ phướn, đúc tượng Phật Di Lạc bằng đồng nặng 7.560 cân đặt tại viện Thiên Phúc. Chùa Diên Hựu còn gọi là chùa Một Cột cũng được xây dựng trong thời ấy.

- ▶ Thời Lý Thánh Tông có xây các chùa Đông Lâm và chùa Tĩnh Lự ở núi Đông Cứu (Bắc Ninh); chùa Thiên Phúc, Thiên Thọ có hai tượng Phạm Vương, Đế Thích bằng vàng, chùa Nhị Thiên Vương... có lẽ ở Thăng Long; tháp Trường Long cao 42 mét trên núi Đồ Sơn. Ngoài ra, còn có một pho tượng Phật A Di Đà bằng đá được tạc trên núi huyện Tiên Du. Đáng kể nhất là chùa Sùng Khánh Báo Thiên có dựng trước chùa một ngọn tháp 12 tầng tên Đại Thắng Tư Thiên cao 20 trượng (khoảng 60 đến 80 mét), chuông chùa được đúc bằng 12.000 cân đồng (khoảng hơn 7 tấn đồng), có khắc bài minh do vua tự thay thảo.
- ▶ Vua Lý Nhân Tông cũng cho xây chùa Lãm Sơn tại huyện Quế Dương, chùa Quảng Giáo trên núi Tiên Du, chùa Hộ Thánh, chùa Trùng Hưng Diên Thọ... và nhiều tháp như tháp đá chùa Lãm Sơn, tháp Vạn Phong Thành Thiện ở núi Chương Sơn, tháp Thất Bảo, tháp Sùng Thiện Diên Linh ở núi Đọi Sơn tỉnh Hà Nam. Dưới thời Nhân Tông, Thái hậu Linh Nhân phát tâm xây 100 ngôi chùa, không biết rõ ở những nơi nào. Vua Nhân Tông cũng ban lệnh đúc đại hồng chung cho chùa Diên Hựu, nhưng khi đúc xong, đánh không kêu, đem bỏ ở khu vực ruộng riêng của chùa, ruộng ấy thấp ướt, có nhiều rùa, người bấy giờ gọi là chuông Quy Điền.
- ▶ Vua Lý Thần Tông cho thực hiện 84.000 bảo tháp bằng đất, dựng chùa Quảng Nghiêm Tư Thánh, chùa Thiên Minh và Thiên Thành, lại cho đúc ba tượng tam tôn bằng vàng.
- ▶ Việc xây chùa dựng tháp do các vua triều Lý thực hiện được *Đại Việt Sử ký Toàn thư* chép kỹ từng năm một, cho thấy các vua đời Lý hết lòng phát triển Phật giáo trên toàn quốc.



3.2.1.2. Quan lại và quý tộc

Lý Nhật Quang (995-1057) là con trai thứ 8 của Lý Thái Tổ, nổi tiếng thông minh, sớm được vua cha và hoàng tộc chăm lo dạy dỗ để sớm thành rường cột nước nhà. Dưới triều Lý Thái Tông, ông được cử vào châu Nghê An lo việc thu thuế rồi được phong làm Tri châu Nghê An.

Quan tâm đến đời sống tinh thần của dân, ông cho xây dựng nhiều chùa thờ Phật phục vụ các sinh hoạt tâm linh. Với những việc làm có tính chất mở đầu ở một vùng biên viễn như thế, Lý Nhật Quang có tầm nhìn của một nhà chiến lược.



- ▶ **Lý Thường Kiệt (1019-1105)** là một nhà quân sự, chính trị, làm quan trải 3 triều Lý Thái Tông, Lý Thánh Tông, Lý Nhân Tông, nổi bật với việc chinh phạt Chiêm Thành (1069), đánh phá 3 châu Khâm, Ung, Liêm nước Tống (1075-1076), rồi đánh bại cuộc xâm lược Đại Việt của quân Tống do Quách Quỳ, Triệu Tiết chỉ huy. Do công lao, ông được ban quốc tính, họ gốc của ông hiện còn nghi vấn. Khi Lý Nhân Tông lên ngôi còn nhỏ tuổi, ông và Lý Đạo Thành đã làm phụ chính. Cũng có thông tin cho rằng ông từng trấn nhậm đất Thanh Hóa và mở mang nhiều chùa ở đây.

- ▶ **Lý Đạo Thành** (?-1081) quê làng Cổ Pháp, huyện **Từ Sơn**, tỉnh **Bắc Ninh**, dòng dõi tôn thất nhà Lý, là một đại thần phụ chính tài năng, liêm khiết và chính trực của nhà Lý.
- ▶ Khi Lý Thường Kiệt mang quân đi đánh dẹp thì ông là vị quan đầu triều điều hành việc nước.
- ▶ Ông làm phụ chính cho Lý Nhân Tông khi vua mới lên ngôi, có một giai đoạn ngắn bị biếm ra làm giám sát châu Nghệ An vì phản ứng với Linh Nhân Hoàng thái hậu.
- ▶ Khi ở Nghệ An, ông lập viện Địa Tạng trong miếu Vương Thánh, giữa viện ông đặt tượng Phật và bài vị của vua Lý Thánh Tông để thờ.

Ngoài ra còn có Đoàn Văn Khâm. Tô Hiến Thành, Đàm Dĩ Mông...

- ▶ Đàm Dĩ Mông (?-?) là đại thần ngoại thích nhà Lý. Có chi làm vợ vua, Đàm Dĩ Mông được cất nhắc làm quan.
- ▶ Ông giữ chức phụ chính dưới 2 triều vua Lý Cao Tông và Lý Huệ Tông. Năm 1198, Đàm Dĩ Mông kiến nghị với vua Cao Tông nên bắt hoàn tục những vi sư không chuyên tâm tu hành.
- ▶ Cao Tông nghe theo, cho ông triệu tập các nhà sư lại, chọn ra những người nghiêm túc giữ đạo được tiếp tục làm sư, còn lại đều đánh dấu vào tay bắt phải hoàn tục.

3.2.2. Các phái thiền Phật giáo

- ▶ Dưới thời nhà Lý, các vị Thiền sư thuộc thế hệ 11 Thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi tiếp tục nối ngọn đèn thiền và truyền thêm được 8 thế hệ nữa.
- ▶ Cũng trong cùng thời gian này, Thiền phái Vô Ngôn Thông truyền thêm được 11 thế hệ, nối tiếp từ thế hệ thứ 5. Xuất hiện trong thời nhà Lý, Thiền phái Thảo Đường truyền được 5 thế hệ.
- ▶ Tư tưởng Phật học của hai Thiền phái trước đã được nêu ở chương 2. Phần này nói về sự truyền thừa của hai Thiền phái trước và nêu hành trạng một số vị tiêu biểu. Về Thiền phái Thảo Đường, những tài liệu có được rất ít ỏi. Nói chung, sang đến đầu thời nhà Trần, các thiền phái đã từng bước hòa nhập, tạo nên một nền Phật giáo thống nhất.



3.2.2.3. Thiên phái Thảo Đường

Nguồn gốc phái Thảo Đường

- ▶ Năm 1069, vua Lý Thánh Tông đem quân chinh phạt Chiêm Thành, chiếm các châu Địa Lý, Ma Linh và Bồ Chính, có bắt về một số tù binh. Trong số những tù nhân bắt được ấy có một vị Thiền sư Trung Hoa tên là Thảo Đường nhưng chẳng ai biết.
- ▶ Khi về tới kinh đô, vua phân phối tù nhân bắt được cho các quan để làm người phục dịch. Tình cờ Thiền sư Thảo Đường được giao cho một vị tăng lục, một chức vụ trông coi về tăng sự.
- ▶ Một hôm, trong lúc tăng lục đi vắng, người nô bộc Thảo Đường lật xem thử những bản ngữ lục Thiền học chép tay để trên bàn của chủ. Thấy bản chép có nhiều chỗ sai, Thảo Đường cầm bút sửa chữa. Khi vị tăng lục về, khám phá ra câu chuyện ấy, rất lấy làm ngạc nhiên, bèn đem tư sự tâu lên vua.
- ▶ Vua cho vời tên nô bộc kỳ lạ ấy lên hỏi, thì biết đó là Thiền sư Thảo Đường ở Trung Hoa, nhân đi qua Chiêm Thành truyền giáo mà bị bắt. Khâm phục về sức học và đạo đức của Thảo Đường, vua liền phong ngài làm quốc sư.
- ▶ Thiền học của Thảo Đường có những sắc thái mới lạ, do đó một Thiên phái nữa được thành lập, lấy tên là Thiên phái Thảo Đường.

- ▶ Thiền sư Thảo Đường trụ trì tại chùa Khai Quốc, ngay ở kinh thành Thăng Long.
- ▶ hiền sư Thảo Đường thuộc truyền thống của Thiền sư Tuyết Đậu Minh Giác, mà ngài Tuyết Đậu là một trong những Đại Thiền sư thuộc tông Vân Môn ở Trung Hoa, được xem như là người phục hưng Thiền phái này.

Đặc điểm Thiền phái Thảo Đường

- ▶ Phái Tuyết Đậu có chủ trương dung hợp Phật giáo với Nho giáo; đặc điểm này đã làm ảnh hưởng nhiều tới Phật giáo đời Trần ở Việt Nam. Vân Môn và Tuyết Đậu đều là những Thiền sư bác học có khuynh hướng văn học, cả hai người đều nhằm tới hoằng dương Thiền học trong giới trí thức, đưa nho gia đến gần đạo Phật và trở nên Phật tử.
- ▶ Tuy nhiên, vì quá thiên trong giới thượng lưu trí thức nên những tín ngưỡng Phật giáo bình dân bị bỏ rơi, trở nên thiếu sót trong Thiền phái Vân Môn. Thiền sư Thảo Đường cố nhiên đã giảng Tuyết Đậu Ngũ Lục nhiều lần tại chùa Khai Quốc, khuynh hướng Thiền học trí thức và thi ca đã từ đó ảnh hưởng đến hai Thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi và Vô Ngôn Thông.
- ▶ Các Thiền sư Minh Trí (mất 1196) của phái Vô Ngôn Thông và Thiền sư Chân Không (mất 1100) của phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi là những người chịu ảnh hưởng khuynh hướng Thiền học trí thức và thi ca của phái Tuyết Đậu. Sau này Thiền phái Trúc Lâm của đời Trần còn tiếp tục chịu ảnh hưởng này.

Thế thứ và truyền thừa

- ▶ Sách Thiền Uyển tập anh có ghi tên tuổi 19 người thuộc Thiền phái Thảo Đường, kể cả Thiền sư Thảo Đường, phân làm sáu thế hệ:
- ▶ 1. Thế hệ thứ nhất: Thiền sư Thảo Đường.
- ▶ 2. Thế hệ thứ hai có ba người: vua Lý Thánh Tông, Thiền sư Bát Nhã, Cư sĩ Ngô Xá, ba vị này trực tiếp đắc pháp từ Thiền sư Thảo Đường.
- ▶ 3. Thế hệ thứ ba có bốn người: Tham chính Ngô Ích, kế thừa Hoàng đế Lý Thánh Tông; Thiền sư Thiệu Minh (hay Hoàng Minh), kế thừa Thiền sư Bát Nhã; Thiền sư Không Lô và Thiền sư Định Giác (hay Giác Hải) đều kế thừa Cư sĩ Ngô Xá.
- ▶ 4. Thế hệ thứ tư có bốn người: Thái phó Đỗ Vũ, kế thừa tham chính Ngô Ích hay Thiền sư Định Giác; Thiền sư Phạm Âm, kế thừa Thiền sư Thiệu Minh; vua Lý Anh Tông và Thiền sư Đỗ Đô, cùng kế thừa Thiền sư Không Lô hoặc Thiền sư Định Giác.
- ▶ 5. Thế hệ thứ năm có ba người: Thiền sư Trương Tam Tang, kế thừa Thiền sư Phạm Âm; Thiền sư Chân Huyền và Thái phó Đỗ Thường, cùng kế thừa Thiền sư Đỗ Đô hoặc Thiền sư Tinh Giới phái Vô Ngôn Thông.
- ▶ 6. Thế hệ thứ sáu có bốn người: Thiền sư Hải Tinh, vua Lý Cao Tông và Xương nhi Quản giáp Nguyễn Thức, ba người cùng kế thừa Thiền sư Trương Tam Tang; Phụng ngư Phạm Đăng, kế thừa Thiền sư Chân Huyền hoặc Thái phó Đỗ Thường.

Đặc trưng Phật giáo Lý - Trần

©

I



3.2.3. Tăng chúng, chùa chiền, kinh điển, tín đồ

- ▶ Có thể thấy trong thời nhà Lý, tổ chức tăng chúng đã phát triển dựa trên những quy chế được thiết lập từ thời nhà Đinh. Địa vị của các Thiên sư do triều đình phong tặng có ý nghĩa về mặt tổ chức liên hệ giữa chính quyền và giáo hội, không liên quan đến đời sống hành đạo trong nội bộ tư viên.
- ▶ Việc thiết lập giới đàn cho người xuất gia đã thực hiện ngay năm 1014; sử năm ấy chép Hữu nghị Tăng thống là Thẩm Văn Uyển tâu xin lập đàn chay ở chùa Vạn Tuế để cho tăng đồ thu giới
- ▶ và vào năm 1016, đô cho hơn nghìn người ở kinh sư làm tăng đạo. Tuy nhiên, không có chi tiết về việc đào tạo số tăng đồ đông đảo ấy. Năm 1019 lại có chiếu tổ chức trao giới cho tăng đồ mà sử không chép việc thực hiện thế nào.
- ▶ Đến năm 1135, đời vua Lý Thần Tông, lại thấy sử ghi “mở hội đô tăng ở Ngênh Tiên đường”. Nhưng vào năm 1198, Đàm Dĩ Mông đã đề nghị vua Lý Cao Tông khảo hạch tăng sĩ và cho hoàn tục những người thiếu nghiêm trì giới hạnh.

Phật giáo đời Lý và vấn đề mê tín

- ▶ Phật giáo vào Việt Nam có phần hòa quyện với tín ngưỡng dân gian nhưng không phải vì vậy mà có chủ trương chấp nhận và ủng hộ những sự kiện mê tín. Vì có ghi chép một vài chuyện thần bí như niêm chú và trùng mắt để tặc kẻ rơi xuống, chuyên tự ý đầu thai... mang lại cảm tưởng Phật giáo đời Lý đầy rẫy chuyện mê tín. Thực ra, ngay trong thời hiện đại cũng có những hiện tượng mê tín như thế. Vấn đề là lý giải các sự kiện được ghi chép thế nào.
- ▶ Phật giáo đời Lý, qua diễn trình lịch sử với những con người cụ thể, đã thể hiện một chiều sâu tâm linh rất đáng kể, có đánh giá và có sự tiếp thu từng bước mọi hiện tượng có liên quan dựa trên kết quả thực tế. Có nhiều Thiền sư và Phật tử học rộng, hiểu nhiều... bài bác những tín ngưỡng và pháp thuật dị đoan, đóng góp lớn lao trong phạm vi học thuật, phong hóa và xã hội.



Mỹ thuật Phật giáo thời Lý và An Nam tứ đại khí

- ▶ Nghệ thuật đúc **chuông** tô tượng rất phổ biến. Nước **Đại Việt** có 4 công trình nghệ thuật bằng đồng nổi tiếng được gọi là "**An Nam tứ đại khí**" tất cả đều được tạo ra trong thời Lý:
- ▶ 1. Tháp Báo Thiên tên đầy đủ là Đại Thắng Tư Thiên Báo Tháp, được dựng năm **1057** dưới đời vua Lê Thánh Tông trước **chùa Báo Thiên**, nay là khu đất mé Tây hồ **Hoàn Kiếm, Hà Nội** (khu đất thuộc phố Nhà Chung, gần **Nhà thờ Lớn**). Tháp này cao đến 20 tầng (từ 60m đến 80m), có tất cả 12 tầng. Tầng trên cùng bằng **đồng**, những tầng dưới bằng đá và gạch.
- ▶ 2. **Chuông Quy Điền** được đúc trong lần sửa lại **chùa Diên Hựu (chùa Một Cột, Hà Nội)** vào năm 1080, đời **Lý Nhân Tông**. Để đúc quả chuông này, vua đã cho sử dụng đến 12.000 cân đồng (tương đương với 7,3 tấn đồng bây giờ). Chuông đúc xong, đánh không kêu, nhưng cho rằng nó đã thành khí, không nên tiêu hủy, quả chuông được vắn ra bỏ tại khu ruộng sau chùa. Vì khu ruộng này thấp trũng, có nhiều rùa đến ở, nên có tên là Quy Điền, nhân đó gọi chuông là chuông Quy Điền.

- ▶ 3. Tượng Phật chùa Quỳnh Lâm, do Quốc sư Nguyễn Minh Không thời Lý thực hiện việc đúc ngay trong chùa, là một pho tượng Phật Di Lặc bằng đồng cao khoảng 20m. Theo Đại Nam nhất thống chí thì chùa Quỳnh Lâm là ngôi chùa nằm trên một quả gò bằng phẳng trong núi Quỳnh Lâm thuộc xã Hạ Lôi, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, cũng do Thiền sư đời Lý là Nguyễn Minh Không lập.
- ▶ 4. Vạc chùa Phổ Minh, Đại Nam nhất thống chí cho biết chùa Phổ Minh ở xã Tức Mặc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định và ghi thêm “Sử chép năm Thiệu Long thứ 5 đời Trần Thánh Tông dựng chùa Phổ Minh ở phía Tây cung Trùng Quang.
- ▶ Lại xét Bia đá dựng từ đời Lê Cảnh Trị nói ‘Lý gia triều thủy, Trần thi trùng quang’ nghĩa là nhà Lý bắt đầu xây dựng, nhà Trần sửa sang thêm. Thế thì chùa này không phải bắt đầu xây dựng từ nhà Trần”.
- ▶ Vậy chùa Phổ Minh đã xây dựng từ thời nhà Lý, và vạc Phổ Minh hẳn cũng phải đã có mặt từ thời nhà Lý, để hợp thành tứ đại khí như đã được lưu truyền trong dân gian. Hiện nay, tại chùa Phổ Minh chỉ còn cái bê đờ vạc.
- ▶ Cả bốn “đại khí” này đã bị quân Minh phá hủy để lấy đồng đúc vũ khí trong thời gian từ 1408 đến 1418.

3.3. PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỜI NHÀ TRẦN

- ▶ Việc nhà Trần (1225-1400) vươn lên nắm lấy quyền lãnh đạo xã hội Đại Việt đầu thế kỷ XIII chính là thành tựu của quá trình phò tá vua Lý Huệ Tông, vị vua cuối cùng triều Lý, của gia tộc này.
- ▶ Việc chuyển quyền ôn hòa từ triều Lý sang triều Trần lại là một sự kiện lịch sử hợp thời đối với dân tộc Đại Việt, vì chỉ 31 năm sau, Đại Việt đã phải đối phó với đạo quân chinh phục mạnh nhất thế giới thời ấy, quân Nguyên Mông.
- ▶ Nhà Trần lên ngôi cũng chấm dứt tình trạng loạn lạc kéo dài cuối thời nhà Lý, kịp thời thiết lập một hệ thống quyền lực chính trị thống nhất từ trung ương đến địa phương, đủ sức đối phó với những đe dọa từ bên ngoài, giữ vững đất nước trong 175 năm

3.3.1. Thời đại xã hội và tình hình Phật giáo Việt Nam thời Trần

3.3.1.1. Tổng quan

- ▶ Nước Đại Việt dưới thời nhà Trần đã là một quốc gia phát triển về nhiều mặt, không chỉ trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng... mà cả về văn hóa, giáo dục, văn học, tư tưởng, tôn giáo, ngoại giao... trên tinh thần dung hợp, nối tiếp thành tựu từ trước, tiếp thu có chọn lọc những tiến bộ đến từ bên ngoài.
- ▶ Xã hội Đại Việt thời nhà Trần đã có sự phân tầng đẳng cấp trên quy mô quốc gia với hai đẳng cấp chính là vua quan và thứ dân, mặc dù dưới thứ dân là tầng lớp nô tỳ nhưng không có tính cách cố định.
- ▶ Sự phân hóa đẳng cấp chưa sâu sắc, giữa các đẳng cấp vẫn có quan hệ gần gũi. Các công đồng làng xã vẫn giữ được sự thuần nhất, người lớn tuổi được tôn trọng.
- ▶ Nhà vua đứng đầu và là biểu tượng của nhà nước, có uy quyền tối thượng. Nhà Trần duy trì chế độ Thái Thượng hoàng, vua sớm nhường ngôi khi còn minh mẫn để có thể kèm cặp vị vua đương triều về đường lối trị dân.
- ▶ Các vua nhà Trần tự coi mình như cha mẹ dân, thi hành một chính sách thân dân kiểu gia trưởng kết hợp với tư tưởng từ bi của nhà Phật.

- ▶ Nông dân hầu hết là nông dân tự do, được phép có ruộng tư, tư cày cấy trên mảnh ruộng của mình; trong lúc nông nhàn có thể có những hoạt động buôn bán lẻ và dần dần đã có một số người hình thành một lớp người buôn bán chuyên nghiệp.
- ▶ Trong các làng xã cũng có những tá điền là những người canh tác trên đất của người khác phải nộp tô. Tầng lớp nô tỳ có thể là những nông dân bần cùng phải gán nợ hay do phạm tội và những tù binh ngoại quốc sau các cuộc chiến tranh với Nguyên Mông và Chiêm Thành.
- ▶ Văn hóa, văn học nhà Trần có những thành tựu rực rỡ, chữ Nôm được khuyến khích. Nho học vẫn được tiếp thu với sự chọn lọc, giới tinh hoa duy trì được ảnh hưởng.
- ▶ Tinh thần dung hợp với tư tưởng dân chủ được tôn trọng. Trong bối cảnh đó, một nền Phật giáo thống nhất đã hình thành có kế thừa những thành tựu của thời trước.

3.3.1.2. Phật giáo thống nhất dưới thời nhà Trần

- ▶ Một trong những thành tựu văn hóa, xã hội quan trọng nhất của thời nhà Trần là sự thống nhất Phật giáo dưới sự lãnh đạo tinh thần của triều đình. Như đã thấy. Phật giáo du nhập Việt Nam qua nhiều hình thức, có nhiều tông phái gây ảnh hưởng, tuy không có những cạnh tranh tông phái quyết liệt như Thiên tông Trung Hoa nhưng cũng không có tác động tích cực cho việc xây dựng một xã hội ổn định bền vững.
- ▶ Chính vì vậy mà các vị vua đời Trần, đến đời thứ ba của nhà Trần là Trần Nhân Tông đã áp ủ một chương trình thống nhất Phật giáo.
- ▶ Có thể thấy vua Trần Nhân Tông đã nắm bắt được nhu yếu của Phật giáo trong thời đại của mình để thực hiện một sự tập đại thành qua việc thành lập Thiên phái Trúc Lâm.

Những yếu tố mở đường cho nền Phật giáo thống nhất

- ▶ Cũng có thể thấy Phật giáo cuối thời nhà Lý đã có sự suy thoái do tình trạng ngày càng có nhiều tăng sĩ yếu kém về giới hạnh và việc đồ tăng ở at trong nhiều năm, bên cạnh việc các vua đời sau không giữ được giếng mối như thời mở triều đại.
- ▶ Trong điều kiện đó, các vị Thiền sư đặc pháp có khuynh hướng lui về am chiền trên núi non hay trong làng mạc để tìm cách giữ đạo, như lời Thiền sư Thần Nghi dặn đệ tử là Thiền sư Ấn Không khi giao phó cho vị này tập bản thảo của ngài Thường Chiếu: “Ngày nay tuy loạn lạc, nhưng ông hãy khéo giữ gìn tập sách này, cần thân chở để cho bình hỏa thiêu hủy, thì Tổ phong ta mới không bị suy sụp vậy”.
- ▶ Hoặc như cách giữ mình của Thiền sư Hiên Quang, tổ khai sơn dòng Thiền Yên Tử, khi ngài bền chí từ chối những lần mời thỉnh của vua Lý Huệ Tông: “Bàn đạo ở đất vua, ăn lộc vua, thờ Phật tại núi này đã lâu năm, thừa công đức chưa thành tựu, tư lấy làm hổ thẹn. Nếu ép bàn đạo về vết kiến vua thì chẳng những không bổ ích gì cho tri đạo mà cũng chuốc lấy sự hủy báng của chúng sinh.
- ▶ Hướng chi ngày nay Phật pháp đang thịnh hành, các bậc thầy mẫu mực trong bản đạo đã có đủ để châu hầu lễ nghi nơi diên các. Xin bệ hạ đoái lượng cho kẻ mặc chiếc cà sa thô lạnh này được nương thân Phật đạo trong chốn núi rừng, khỏi phải đến kinh đô”.

- ▶ Tiếp nối tông phong của dòng Yên Tử là Thiền sư Đạo Viên, còn được gọi là Thiền sư Viên Chứng hay Trúc Lâm quốc sư, người đã nói với vua Trần Thái Tông khi nhà vua lên Yên Tử tìm Phật:
- ▶ “Trong núi vốn không có Phật. Phật ở trong tâm ta. Nếu tâm lắng và trí tuệ xuất hiện, đó chính là Phật” và khuyên nhà vua về triều vì: “Phàm làm đấng minh quân, thì phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, và tâm thiên hạ làm tâm của mình” nhưng vẫn sách tấn: “Tuy nhiên sự nghiên cứu nội điển xin bệ hạ đừng phút nào quên”.
- ▶ Nhìn ở một góc nào đó, có thể thấy vua Trần Thái Tông cũng là một vị đệ tử đặc pháp với ngài Đạo Viên. Một đệ tử khác của Trúc Lâm quốc sư là Đại Đăng quốc sư, người trực tiếp nhận truyền thừa từ Thiền sư Đạo Viên, nhưng cũng được truyền tâm ấn từ Thiền sư Thiên Phong thuộc thiền phái Lâm Tế; vị này từ Trung Hoa sang, được vua Thái Tông nghe tiếng, mời đến viên Tả Nhai trong cung rồi hội họp các bậc thiên tri thức lại để cùng tham học.
- ▶ Nối tiếp ngọn đèn của ngài Đại Đăng là Thiền sư Tiêu Diêu thuộc thế hệ thứ tư truyền thống Yên Tử, đồng thời cũng đặc pháp với Thiền sư Ứng Thuận của Thiền phái Vô Ngôn Thông. Cùng thế hệ với ngài Tiêu Diêu ở thiền phái Vô Ngôn Thông còn có các vị Quốc Nhất, Quế Thâm, Chân Giám. Trong khi Thiền sư Huệ Tuệ là pháp tử đời thứ năm nối dòng Yên Tử sau ngài Tiêu Diêu thì Tuệ Trung Thượng Sĩ vẫn được coi là là học trò xuất sắc nhất của vị tổ thứ tư dòng này



- ▶ Thiền sư Tiêu Diêu còn được gọi là Phúc Đường đại sư, cư trú ở Phúc Đường tinh xá, không biết cụ thể ở đâu; có thể là trên núi Yên Tử.
- ▶ Tuê Trung Thương Sĩ đối với Thiền sư Tiêu Diêu rất mực cung kính khâm phục. Vua Trần Nhân Tông từ khi còn là thái tử đã lấy lễ thầy trò để tỏ lòng kính mến Tuê Trung Thương Sĩ. ☩
- ▶ Những nhân vật nổi bật của Phật giáo đầu đời Trần dẫn đến việc thành lập Thiền phái Trúc Lâm làm nền cho Phật giáo thống nhất thời Trần gồm vua Trần Thái Tông, Tuê Trung Thương Sĩ và vua Trần Nhân Tông.

A. Thiền học Trần Thái Tông

- ▶ Trần Thái Tông tên thật là Trần Cảnh, lên ngôi năm 1226, năm 1258 nhường ngôi cho con, giữ địa vị Thái Thượng hoàng cho đến khi qua đời năm 1277. Theo sự sắp đặt của người chú họ là Trần Thủ Độ, được 7 tuổi, Trần Cảnh vào cung hầu hạ nữ hoàng nhỏ tuổi Lý Chiêu Hoàng. Cuối năm 1225 Trần Thủ Độ buộc Lý Chiêu Hoàng cưới và nhường ngôi cho Trần Cảnh; ông trở thành Hoàng đế Trần Thái Tông, vị vua sáng lập triều Trần. Ông mời cha là Trần Thừa làm Thái Thượng hoàng, Trần Thủ Độ làm Thái sư, lại phong Chiêu Hoàng làm Chiêu Thánh hoàng Hậu. Trần Thừa mất năm 1234.
- ▶ Năm 1236, Trần Thủ Độ ép Thái Tông phế Chiêu Thánh vì không sinh được người kế vị, và lập chi Chiêu Thánh là Thuận Thiên lên thay. Thuận Thiên vốn là vợ của Trần Liễu khi ấy đang có thai, mà Trần Liễu lại là anh ruột của Thái Tông. Việc này khiến Trần Liễu làm loạn ở sông Cái và Trần Thái Tông bỏ kinh thành lên Yên Tử tìm gặp Trúc Lâm đại sư. Sự việc được nhà vua thuật lại trong bài tựa của sách Thiền Tông chỉ nam.

- ▶ Theo Đại Việt Sử ký Toàn thư thì ngay khi biết vua Thái Tông rời kinh thành, Trần Thủ Độ đem các quan lên núi Yên Tử đón vua về kinh.
- ▶ Vua nói: “Trẫm còn trẻ tuổi chưa đáng được việc nặng nề, thì phu hoàng đã vội lìa bỏ, sớm mất chỗ trông cậy, trẫm không dám ở ngôi vua nữa mà làm nhục xã tắc”. Thủ Độ nài nỉ hai ba lần vua vẫn không nghe.
- ▶ Thủ Độ liền bảo mọi người: “Vua ở đâu thì lập triều ở đó”. Nói xong liền cấm nêu trong núi, nói rằng chỗ này là đền Thiên An, chỗ kia là gác Đoan Minh, và sai người xây dựng. Thiền sư Trúc Lâm thấy thế mới tâu vua: “Xin bệ hạ hãy gấp về kinh sư, chớ để làm hại đến núi rừng của lão tăng”. Vì vậy mà vua đành về kinh.
- ▶ Sau khi vua về kinh, việc nổi loạn của Trần Liễu mới được giải quyết. Trần Liễu tự thấy mình thế cô, tìm cách liên lạc với em xin hàng. Trần Thái Tông yêu cầu giải hòa rồi rút quân, Trần Thủ Độ tuy giận nhưng cũng nghe theo.



các tác phẩm của ngài Trần Thái Tông:

- ▶ 1) Thiền Tông Chỉ Nam
- ▶ 2) Kim Cương Tam Muôi Kinh Chú Giải
- ▶ 3) Lục Thì Sám Hối Khoa Nghi
- ▶ 4) Bình Đăng Lễ Sám Văn
- ▶ 5) Khóa Hư Lục
- ▶ 6) Thi Tập

- ▶ Năm 1943 tại Hà Nội, dưới sự bảo trợ của Trường Viễn Đông Bác Cổ, Hội Phát giáo Bắc kỳ đã ấn hành sách Khóa Học Lục gồm quyển thượng và quyển hạ, có nội dung như sau:
- ▶ Quyển Thượng:
- ▶ Tứ Sơn - Phổ Thuyết Sắc Thân - Khuyến Phát Tâm Văn - Giới Sát Sinh Văn - Giới Thâu Đạo Văn - Giới Sắc Văn - Giới Vong Ngữ Văn - Giới Tửu Văn - Giới Định Tuê Luân - Thu Giới Luân - Niêm Phát Luân - Toa Thiên Luân - Tuê Giáo Giám Luân - Thiên Tông Chỉ Nam Tư.
- ▶ Kim Cương Tam Muôi Kinh Tư - Lục Thi Sám Hối Khoa Nghi Tư - Bình Đăng Lễ Sám Văn Tư.
- ▶ Phổ Thuyết Hương Thương Nhất Lô - Ngữ Lục Vấn Đáp Môn Hạ - Niêm Tung Kê.
- ▶ Quyển hạ:
- ▶ Lục Thi Sám Hối Khoa Nghi

B. Tư tưởng Tuệ Trung Thượng Sĩ

- ▶ Tuệ Trung Thượng Sĩ (1230-1291) tên thật Trần Quốc Tung, tước hiệu Hưng Ninh vương, là một nhà quân sự từng hai lần tham gia kháng chiến đánh đuổi quân Nguyên Mông xâm lược (năm 1285 và 1287).
- ▶ Ngài là người hướng dẫn vua Trần Nhân Tông vào cửa thiền và có nhiều ảnh hưởng đặt nền móng cho sự phát triển Thiền phái Trúc Lâm ở Đại Việt thế kỷ XIII-XIV.
- ▶ Trước hết, đối với Thượng sĩ, ngài không quan tâm đến sự phân biệt giữa phàm và thánh, giữa có tôi và không có tôi. Có lần Thiên Cảm hoàng hậu (là thân mẫu của vua Trần Nhân Tông và lại là em ruột của Tuệ Trung Thượng Sĩ) mời Tuệ Trung Thượng Sĩ là anh ruột của mình vào cung dự tiệc.
- ▶ Trên bàn có cả món mặn món chay, ngài gấp thức ăn không phân biệt. Khi được em hỏi người tu thiền như anh mà ăn thịt cá thì làm sao thành Phật, ngài trả lời: “Phật là Phật, anh là anh; anh không cần thành Phật. Phật không cần thành anh”.

- ▶ Lần khác, vua Trần Nhân Tông hỏi: “Bach thương sĩ, chúng sinh quen cái nghiệp ăn thịt uống rượu thì làm thế nào mà thoát khỏi tội báo?”. Ngài trả lời: “Nếu có người đang đứng xây lưng lại, thỉnh linh vua đi qua sau lưng, người ấy không biết, cầm một vật gì ném nhằm vua. Thử hỏi: người ấy có sợ không, ông vua có giận không? Nên biết hai việc ấy không dính líu gì với nhau vậy”.
- ▶ Trong Thương Sĩ Hành Trang viết về tiểu sử của Tuệ Trung Thương Sĩ, vua Trần Nhân Tông đã nói về thái độ dẫn thân và hòa mình vào trong cuộc đời hướng đến việc phụng sự chúng sinh vốn là phong cách bình sinh của Tuệ Trung như sau: “Thương Sĩ sống giữa lòng thế tục, hòa ánh sáng mình trong cuộc đời bụi bặm; trong mọi cuộc tiếp xúc Thương Sĩ luôn luôn giữ thái độ hòa ái nên chưa bao giờ gặp phải những trường phiên nghịch.”
- ▶ Do đó, ngài có thể làm tiếp nối được hạt giống chánh pháp, diu dắt được những kẻ mới học. Ai đến tham cứu tìm học với ngài cũng được ngài chỉ dẫn sơ lược cho thấy phần cương yếu của đạo pháp khiến tâm họ có chỗ nương tựa. Thương Sĩ không bị ràng buộc bởi hình thức; khi thì ẩn tàng, khi thì lộ diện, ngài không chấp vào hình thức và danh từ”. Đây chính là quan niệm Hòa quang Đồng trần.

- ▶ Trong lúc giáo hóa môn đệ, Tuê Trung thường sử dụng những đòn mãnh liệt nhằm giải phóng người đối thoại khỏi những ngục tù của khái niệm về giáo lý tìm thấy trong kinh điển và trong các lời dạy của các vị cổ đức.
- ▶ Phương pháp của Tuê Trung thường làm cho người đối thoại cảm thấy hoàn toàn lạc hướng và do đó mà thoát ly khỏi ngục tù của khái niệm.
- ▶ Không phải chỉ phá vỡ khái niệm, Tuê Trung còn mời người đối thoại đi thẳng vào thế giới thực chứng bằng cách tháo tung mọi bức tường phân biệt vây quanh: đó là những bức tường mê ngộ và phàm thánh.
- ▶ Đây quả thực là phương pháp đốn ngộ của Đại thừa: nó hiến dâng cho người có thương căn thương trí cơ hội giác ngộ đột ngột khỏi căn trái qua trung gian của hàng chục năm tham khảo.

- ▶ Tuệ Trung từng giao cho Trần Nhân Tông hai bộ ngữ lục, một của Tuyết Đậu Trọng Hiến thuộc tông Vân Môn và một của Đại Huệ Tông Cảo thuộc phái Dương Kỳ tông Lâm Tế.
- ▶ Quan điểm Thiền học của Tuệ Trung có thể được khái quát hóa như sau: “... Phât tử không cần một lý thuyết: nguyên tắc đơn giản của đạo Phât là hãy sống cuộc đời tư tai của chính mình, không cần đi tìm đâu cả. Thế tính của ta vẫn sáng trong, chưa từng bị mê hoặc, chỉ cần quay về tư thân là ta có thể làm hiển lộ nó, khỏi cần đi tìm Phât tìm Tổ”.
- ▶ Tuệ Trung cũng đòi hỏi mọi người phải tự tìm lấy đường đi cho chính mình, không ai có thể chỉ bày cho ai.
- ▶ Một hôm, vua Trần Nhân Tông hỏi về tông chỉ Thiền phái của Tuệ Trung, ý của Nhân Tông muốn biết bí quyết giác ngộ mà Tuệ Trung đã được Thiền sư Tiêu Diện trao truyền,
- ▶ Tuệ Trung trả lời: “Hãy quay về tư thân mà tìm lấy tông chỉ ấy, không thể đạt được từ ai khác”.

3.3.2. Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử

- ▶ Thiền phái Trúc Lâm bắt đầu từ sư tiên vua Trần Nhân Tông xuất gia tại chùa Hoa Yên núi Yên Tử.
- ▶ Mặc dù ban đầu ngài lấy hiệu Hương Vân Đầu Đà và được nhân là người truyền thừa chính thức của phái Yên Tử, thế hệ thứ sáu, tiếp nối vị tổ thứ năm là Thiền sư Huệ Tuệ, nhưng sau đó ngài đổi pháp hiệu là Trúc Lâm, thực hiện hoàn tất ước muốn của vua Trần Thái Tông là hợp nhất các Thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông và Thảo Đường.
- ▶ Ngài chuyển phái Thiền Yên Tử thành phái Trúc Lâm và trở thành Sơ tổ của Thiền phái Trúc Lâm. Ngài còn được gọi là Trúc Lâm Đầu Đà hay Điều Ngự Giác Hoàng.

3.3.2.1. Sơ tổ Trúc Lâm và Thiền phái Trúc Lâm

- ▶ Vua Trần Nhân Tông, vị vua thứ ba của triều Trần, là con trai trưởng của vua Trần Thánh Tông, thế danh Trần Khâm, sinh năm 1258, chỉ khoảng 10 tháng sau khi vua Trần Thái Tông (ông nội của ngài) đánh tan cuộc xâm lăng lần thứ nhất của quân Nguyên Mông.
- ▶ Năm 1278, ngài được vua cha là Trần Thánh Tông nhường ngôi, lúc ấy ngài mới 20 tuổi. Ngài làm vua 14 năm, trong thời gian đó ngài đã cùng vua cha lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông vào các năm 1285 và 1287.
- ▶ 1293 ngài nhường ngôi cho con là Trần Thuyên, tức vua Trần Anh Tông và ngay năm sau, 1294, ngài xuất gia tại hành cung Vũ Lâm (Ninh Bình).

- ▶ Trúc Lâm đã có ý không muốn làm vua và muốn nhường địa vị Đông cung Thái tử cho em. Sách Tam Tổ Thực Lục nói: “Một đêm vào giờ Tý, vua vượt thành mà đi, muốn vào núi Yên Tử. Đến chùa ở núi Đông Cứu thì trời sáng, liền vào ẩn trong tháp. Vị tăng trụ trì thấy tướng mạo dị thường liền đem thức ăn khoản đãi. Hôm ấy thái hậu và vua Thánh Tông sai quần thần tìm tứ tán, bắt đắc dĩ vua phải về. Khi lên ngôi, tuy ngồi lên chín bệ vinh quang nhưng sinh hoạt rất thanh tịnh”
- ▶ Phần Thực lục về Trúc Lâm Đại Sĩ, tổ thứ nhất núi Yên Tử trong Tam Tổ Thực Lục không hề lên tiếng về sở học Thiền tông của Điều Ngự Giác Hoàng, chỉ cho biết ngài “thường tham vấn Tuệ Trung Thượng Sĩ, nhờ thế đạt được cốt tủy của thiền và thờ Tuệ Trung theo lễ của đệ tử thờ thầy”.
- ▶ Các nghiên cứu lịch sử nhân định rằng nếu Trần Thái Tông là người đặt nền tảng cho Thiền phái Trúc Lâm ra đời thì Trần Nhân Tông là người khai sáng ra thiền phái Trúc Lâm đời Trần.
- ▶ Trần Nhân Tông trở thành Sơ tổ Thiền phái Trúc Lâm, trên cơ sở hợp nhất ba thiền phái đang sinh hoạt hiện hữu: Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông và Thảo Đường. Học thuyết Cư trần lạc đạo mà Sơ tổ khởi xướng và đi vào đời sống hiện thực sinh hoạt Phật giáo Đại Việt bấy giờ. Đó chính là kết quả nỗ lực của dòng thiền này trong tiến trình Việt hóa để mang bản sắc dân tộc, nhằm đáp ứng nhu cầu tất yếu của lịch sử Phật giáo Việt Nam trong bối cảnh lịch sử thời đại mới - Thời đại độc lập tự chủ trên mọi phương diện, lĩnh vực kể cả tín ngưỡng tâm linh.

3.2.3. Tăng chúng, chùa chiền, kinh điển, tín đồ

- ▶ Có thể thấy trong thời nhà Lý, tổ chức tăng chúng đã phát triển dựa trên những quy chế được thiết lập từ thời nhà Đinh. Địa vị của các Thiền sư do triều đình phong tặng có ý nghĩa về mặt tổ chức liên hệ giữa chính quyền và giáo hội, không liên quan đến đời sống hành đạo trong nội bộ tư viên.
- ▶ Việc thiết lập giới đàn cho người xuất gia đã thực hiện ngay năm 1014; sử năm ấy chép Hữu nhai Tăng thống là Thẩm Văn Uyển tâu xin lập đàn chay ở chùa Vạn Tuế để cho tăng đồ thu giới
- ▶ Vào năm 1016, đô cho hơn nghìn người ở kinh sư làm tăng đạo. Tuy nhiên, không có chi tiết về việc đào tạo số tăng đồ đông đảo ấy. Năm 1019 lại có chiếu tổ chức trao giới cho tăng đồ mà sử không chép việc thực hiện thế nào.
- ▶ Đến năm 1135, đời vua Lý Thần Tông, lại thấy sử ghi “mở hội đô tăng ở Nghênh Tiên đường”. Nhưng vào năm 1198, Đàm Dĩ Mông đã đề nghị vua Lý Cao Tông khảo hạch tăng sĩ và cho hoàn tục những người thiếu nghiêm trì giới hạnh.

Mỹ thuật Phật giáo thời Lý và An Nam tứ đại khí

- ▶ Nghệ thuật đúc **chuông** tô tượng rất phổ biến. Nước **Đại Việt** có 4 công trình nghệ thuật bằng đồng nổi tiếng được gọi là "**An Nam tứ đại khí**" tất cả đều được tạo ra trong thời Lý:
- ▶ 1. **Tháp Báo Thiên** tên đầy đủ là **Đại Thắng Tư Thiên Báo Tháp**, được dựng năm **1057** dưới đời vua **Lê Thánh Tông** trước **chùa Báo Thiên**, nay là khu đất mé Tây hồ **Hoàn Kiếm**, **Hà Nội** (khu đất thuộc phố Nhà Chung, gần **Nhà thờ Lớn**). Tháp này cao đến **20 trượng** (từ 60m đến 90m), có tất cả **12 tầng**. Tầng trên cùng bằng **đồng**, những tầng dưới bằng **đá và gạch**.
- ▶ 2. **Chuông Quy Điền** được đúc trong lần sửa lại **chùa Diên Hựu** (**chùa Một Cột**, **Hà Nội**) vào năm **1080**, đời **Lý Nhân Tông**. Để đúc quả chuông này, vua đã cho sử dụng đến **12.000 cân đồng** (tương đương với **7,3 tấn đồng** bây giờ). Chuông đúc xong, đánh không kêu, nhưng cho rằng nó đã thành khí, không nên tiêu hủy, quả chuông được vắn ra bỏ tại khu ruộng sau chùa. Vì khu ruộng này thấp trũng, có nhiều rùa đến ở, nên có tên là **Quy Điền**, nhân đó gọi chuông là **chuông Quy Điền**.

- ▶ 3. Tượng Phật chùa Quỳnh Lâm, do Quốc sư Nguyễn Minh Không thời Lý thực hiện đúc ngay trong chùa, là một pho tượng Phật Di Lặc bằng đồng cao khoảng 20m. Theo Đại Nam nhất thống chí thì chùa Quỳnh Lâm là ngôi chùa nằm trên một quả gò bằng phẳng trong núi Quỳnh Lâm thuộc xã Ha Lô, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, cũng do Thiên sư đời Lý là Nguyễn Minh Không lập.
- ▶ 4. Vạc chùa Phổ Minh, Đại Nam nhất thống chí cho biết chùa Phổ Minh ở xã Tức Mặc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định và ghi thêm “Sử chép năm Thiệu Long thứ 5 đời Trần Thánh Tông dựng chùa Phổ Minh ở phía Tây cung Trùng Quang”.
- ▶ Lại xét Bia đá dựng từ đời Lê Cảnh Tri nói ‘Lý gia triều thủy, Trần thi trùng quang’ nghĩa là nhà Lý bắt đầu xây dựng, nhà Trần sửa sang thêm. Thế thì chùa này không phải bắt đầu xây dựng từ nhà Trần”.
- ▶ Vạc chùa Phổ Minh đã xây dựng từ thời nhà Lý, và vạc Phổ Minh hẳn cũng phải đã có mặt từ thời nhà Lý, để hợp thành tứ đại khí như đã được lưu truyền trong dân gian. Hiện nay, tại chùa Phổ Minh chỉ còn cái bê đờ vạc.
- ▶ Cả bốn “đại khí” này đã bị quân Minh phá hủy để lấy đồng đúc vũ khí trong thời gian từ 1408 đến 1418.

Phật giáo đời Lý và vấn đề mê tín

- ▶ Phật giáo vào Việt Nam có phần hòa quyện với tín ngưỡng dân gian nhưng không phải vì vậy mà có chủ trương chấp nhận và ủng hộ những sự kiện mê tín. Vì có ghi chép một vài chuyện thần bí như niệm chú và trùng mắt để tặc kẻ rơi xuống, chuyên tự ý đầu thai... mang lại cảm tưởng Phật giáo đời Lý đầy rẫy chuyện mê tín. Thực ra, ngay trong thời hiện đại cũng có những hiện tượng mê tín như thế. Vấn đề là lý giải các sự kiện được ghi chép thế nào.
- ▶ Phật giáo đời Lý, qua diễn trình lịch sử với những con người cụ thể, đã thể hiện một chiều sâu tâm linh rất đáng kể, có đánh giá và có sự tiếp thu từng bước mọi hiện tượng có liên quan dựa trên kết quả thực tế. Có nhiều Thiền sư và Phật tử học rộng, hiểu nhiều... bài bác những tín ngưỡng và pháp thuật dị đoan, đóng góp lớn lao trong phạm vi học thuật, phong hóa và xã hội.

3.3. PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỜI NHÀ TRẦN

- ▶ Việc nhà Trần (1225-1400) vươn lên nắm lấy quyền lãnh đạo xã hội Đại Việt đầu thế kỷ XIII chính là thành tựu của quá trình phò tá vua Lý Huệ Tông, vị vua cuối cùng triều Lý, của gia tộc này.
- ▶ Việc chuyển quyền ôn hòa từ triều Lý sang triều Trần lại là một sự kiện lịch sử hợp thời đối với dân tộc Đại Việt, vì chỉ 31 năm sau, Đại Việt đã phải đối phó với đạo quân chinh phục mạnh nhất thế giới thời ấy, quân Nguyên Mông.
- ▶ Nhà Trần lên ngôi cũng chấm dứt tình trạng loạn lạc kéo dài cuối thời nhà Lý, kịp thời thiết lập một hệ thống quyền lực chính trị thống nhất từ trung ương đến địa phương, đủ sức đối phó với những đe dọa từ bên ngoài, giữ vững đất nước trong 175 năm

3.3.1. Thời đại xã hội và tình hình Phật giáo Việt Nam thời Trần

3.3.1.1. Tổng quan

- ▶ Nước Đại Việt dưới thời nhà Trần đã là một quốc gia phát triển về nhiều mặt, không chỉ trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng... mà cả về văn hóa, giáo dục, văn học, tư tưởng, tôn giáo, ngoại giao... trên tinh thần dung hợp, nối tiếp thành tựu từ trước, tiếp thu có chọn lọc những tiến bộ đến từ bên ngoài.
- ▶ Xã hội Đại Việt thời nhà Trần đã có sự phân tầng đẳng cấp trên quy mô quốc gia với hai đẳng cấp chính là vua quan và thứ dân, mặc dù dưới thứ dân là tầng lớp nô tỳ nhưng không có tính cách cố định.
- ▶ Sự phân hóa đẳng cấp chưa sâu sắc, giữa các đẳng cấp vẫn có quan hệ gần gũi. Các công đồng làng xã vẫn giữ được sự thuần nhất, người lớn tuổi được tôn trọng.
- ▶ Nhà vua đứng đầu và là biểu tượng của nhà nước, có uy quyền tối thượng. Nhà Trần duy trì chế độ Thái Thượng hoàng, vua sớm nhường ngôi khi còn minh mẫn để có thể kèm cặp vị vua đương triều về đường lối trị dân.
- ▶ Các vua nhà Trần tự coi mình như cha mẹ dân, thi hành một chính sách thân dân kiểu gia trưởng kết hợp với tư tưởng từ bi của nhà Phật.

- ▶ Nông dân hầu hết là nông dân tự do, được phép có ruộng tư, tư cày cấy trên mảnh ruộng của mình; trong lúc nông nhàn có thể có những hoạt động buôn bán lẻ và dần dần đã có một số người hình thành một lớp người buôn bán chuyên nghiệp.
- ▶ Trong các làng xã cũng có những tá điền là những người canh tác trên đất của người khác phải nộp tô. Tầng lớp nô tỳ có thể là những nông dân bần cùng phải gán nợ hay do phạm tội và những tù binh ngoại quốc sau các cuộc chiến tranh với Nguyên Mông và Chiêm Thành.
- ▶ Văn hóa, văn học nhà Trần có những thành tựu rực rỡ, chữ Nôm được khuyến khích. Nho học vẫn được tiếp thu với sự chọn lọc, giới tinh hoa duy trì được ảnh hưởng.
- ▶ Tinh thần dung hợp với tư tưởng dân chủ được tôn trọng. Trong bối cảnh đó, một nền Phật giáo thống nhất đã hình thành có kế thừa những thành tựu của thời trước.

3.3.1.2. Phật giáo thống nhất dưới thời nhà Trần

- ▶ Một trong những thành tựu văn hóa, xã hội quan trọng nhất của thời nhà Trần là sự thống nhất Phật giáo dưới sự lãnh đạo tinh thần của triều đình. Như đã thấy. Phật giáo du nhập Việt Nam qua nhiều hình thức, có nhiều tông phái gây ảnh hưởng, tuy không có những cạnh tranh tông phái quyết liệt như Thiên tông Trung Hoa nhưng cũng không có tác động tích cực cho việc xây dựng một xã hội ổn định bền vững.
- ▶ Chính vì vậy mà các vị vua đời Trần, đến đời thứ ba của nhà Trần là Trần Nhân Tông đã ấp ủ một chương trình thống nhất Phật giáo.
- ▶ Có thể thấy vua Trần Nhân Tông đã nắm bắt được nhu yếu của Phật giáo trong thời đại của mình để thực hiện một sự tập đại thành qua việc thành lập Thiên phái Trúc Lâm.

Những yếu tố mở đường cho nền Phật giáo thống nhất

- ▶ Cũng có thể thấy Phật giáo cuối thời nhà Lý đã có sự suy thoái do tình trạng ngày càng có nhiều tăng sĩ yếu kém về giới hạnh vì việc đồ tăng ở at trong nhiều năm, bên cạnh việc các vua đời sau không giữ được nề nếp như thời mở triều đại.
- ▶ Trong điều kiện đó, các vị Thiền sư đặc pháp có khuynh hướng lui về am chiền trên núi non hay trong làng mạc để tìm cách giữ đạo, như lời Thiền sư Thần Nghi dẫn đề từ là Thiền sư Ấn Không khi giao phó cho vị này tập bản thảo của ngài Thường Chiếu: “Ngày nay tuy loạn lạc, nhưng ông hãy khéo giữ gìn tập sách này, cần thân chờ để cho bình hỏa thiêu hủy, thì Tổ phụng ta mới không bị suy sụp vậy”.
- ▶ Hoặc như cách giữ mình của Thiền sư Hiên Quang, tổ khai sơn dòng Thiền Yên Tử, khi ngài bền chí từ chối những lần mời thỉnh của vua Lý Huệ Tông: “Bần đạo ở đất vua, ăn lộc vua, thờ Phật tại núi này đã lâu năm, thừa công đức chưa thành tựu, tự lấy làm hổ thẹn. Nếu ép bần đạo về vết kiến vua thì chẳng những không bổ ích gì cho trị đạo mà cũng chuốc lấy sự hủy báng của chúng sinh.
- ▶ Hướng chi ngày nay Phật pháp đang thịnh hành, các bậc thầy mẫu mực trong bản đạo đã có đủ để châu hầu lễ nghi nơi điền các. Xin bệ hạ đoái lượng cho kẻ mặc chiếc cà sa thô lạnh này được nương thân Phật đạo trong chốn núi rừng, khỏi phải đến kinh đô”.

- ▶ Tiếp nối tông phong của dòng Yên Tử là Thiền sư Đạo Viên, còn được gọi là Thiền sư Viên Chứng hay Trúc Lâm quốc sư, người đã nói với vua Trần Thái Tông khi nhà vua lên Yên Tử tìm Phật:
- ▶ “Trong núi vốn không có Phật. Phật ở trong tâm ta. Nếu tâm lắng và trí tuệ xuất hiện, đó chính là Phật” và khuyên nhà vua về triều vị: “Phàm làm đấng minh quân, thì phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, và tâm thiên hạ làm tâm của mình” nhưng vẫn sách tấn: “Tuy nhiên sự nghiệp cứu nôi điển xin bệ hạ đừng phút nào quên”.
- ▶ Nhìn ở một góc nào đó, có thể thấy vua Trần Thái Tông cũng là một vị đệ tử đặc pháp với ngài Đạo Viên. Một đệ tử khác của Trúc Lâm quốc sư là Đại Đăng quốc sư, người trực tiếp nhận truyền thừa từ Thiền sư Đạo Viên, nhưng cũng được truyền tâm ấn từ Thiền sư Thiên Phong thuộc thiền phái Lâm Tế; vị này từ Trung Hoa sang, được vua Thái Tông nghe tiếng, mời đến viên Tả Nhai trong cung rồi hội họp các bậc thiên trí thức lại để cùng tham học.
- ▶ Nối tiếp ngọn đèn của ngài Đại Đăng là Thiền sư Tiêu Diêu thuộc thế hệ thứ tư truyền thống Yên Tử, đồng thời cũng đặc pháp với Thiền sư Ứng Thuận của Thiền phái Vô Ngôn Thông. Cùng thế hệ với ngài Tiêu Diêu ở thiền phái Vô Ngôn Thông còn có các vị Quốc Nhất, Quế Thâm, Chân Giám. Trong khi Thiền sư Huệ Tuệ là pháp tử đời thứ năm nối dòng Yên Tử sau ngài Tiêu Diêu thì Tuệ Trung Thượng Sĩ vẫn được coi là là học trò xuất sắc nhất của vị tổ thứ tư dòng này

- ▶ Thiền sư Tiêu Diêu còn được gọi là Phúc Đường đại sư, cư trú ở Phúc Đường tinh xá, không biết cụ thể ở đâu; có thể là trên núi Yên Tử.
- ▶ Tuê Trung Thương Sĩ đối với Thiền sư Tiêu Diêu rất mực cung kính khâm phục. Vua Trần Nhân Tông từ khi còn là thái tử đã lấy lễ thầy trò để tỏ lòng kính mến Tuê Trung Thương Sĩ.
- ▶ Những nhân vật nổi bật của Phật giáo đầu đời Trần dẫn đến việc thành lập Thiền phái Trúc Lâm làm nền cho Phật giáo thống nhất thời Trần gồm vua Trần Thái Tông, Tuê Trung Thương Sĩ và vua Trần Nhân Tông.

A. Thiền học Trần Thái Tông

- ▶ Trần Thái Tông tên thật là Trần Cảnh, lên ngôi năm 1225, năm 1258 nhường ngôi cho con, giữ địa vị Thái Thượng hoàng cho đến khi qua đời năm 1277. Theo sự sắp đặt của người chú họ là Trần Thủ Độ, được 7 tuổi, Trần Cảnh vào cung hầu hạ nữ hoàng nhỏ tuổi Lý Chiêu Hoàng. Cuối năm 1225 Trần Thủ Độ buộc Lý Chiêu Hoàng cưới và nhường ngôi cho Trần Cảnh; ông trở thành Hoàng đế Trần Thái Tông, vị vua sáng lập triều Trần. Ông mời cha là Trần Thừa làm Thái Thượng hoàng, Trần Thủ Độ làm Thái sư, lại phong Chiêu Hoàng làm Chiêu Thánh hoàng Hậu. Trần Thừa mất năm 1234.
- ▶ Năm 1236, Trần Thủ Độ ép Thái Tông phế Chiêu Thánh vì không sinh được người kế vị, và lập chi Chiêu Thánh là Thuận Thiên lên thay. Thuận Thiên vốn là vợ của Trần Liễu khi ấy đang có thai, mà Trần Liễu lại là anh ruột của Thái Tông. Việc này khiến Trần Liễu làm loạn ở sông Cái và Trần Thái Tông bỏ kinh thành lên Yên Tử tìm gặp Trúc Lâm đại sư. Sự việc được nhà vua thuật lại trong bài tựa của sách Thiền Tông chỉ nam.

- ▶ Tiếp nối tông phong của dòng Yên Tử là Thiền sư Đạo Viên, còn được gọi là Thiền sư Viên Chứng hay Trúc Lâm quốc sư, người đã nói với vua Trần Thái Tông khi nhà vua lên Yên Tử tìm Phật:
- ▶ “Trong núi vốn không có Phật. Phật ở trong tâm ta. Nếu tâm lắng và trí tuệ xuất hiện, đó chính là Phật” và khuyên nhà vua về triều vì: “Phàm làm đấng minh quân, thì phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, và tâm thiên hạ làm tâm của mình” nhưng vẫn sách tấn: “Tuy nhiên sự nghiệp cứu nòi đế nghiệp xin bệ hạ đừng phút nào quên”.
- ▶ Nhìn ở một góc nào đó, có thể thấy vua Trần Thái Tông cũng là một vị đệ tử đặc pháp với ngài Đạo Viên. Một đệ tử khác của Trúc Lâm quốc sư là Đại Đăng quốc sư, người trực tiếp nhận truyền thừa từ Thiền sư Đạo Viên, nhưng cũng được truyền tâm ấn từ Thiền sư Thiên Phong thuộc thiền phái Lâm Tế; vị này từ Trung Hoa sang, được vua Thái Tông nghe tiếng, mời đến viên Tả Nhai trong cung rồi hội họp các bậc thiên trí thức lại để cùng tham học.
- ▶ Nối tiếp ngọn đèn của ngài Đại Đăng là Thiền sư Tiêu Diêu thuộc thế hệ thứ tư truyền thống Yên Tử, đồng thời cũng đặc pháp với Thiền sư Ứng Thuận của Thiền phái Vô Ngôn Thông. Cùng thế hệ với ngài Tiêu Diêu ở thiền phái Vô Ngôn Thông còn có các vị Quốc Nhất, Quế Thâm, Chân Giám. Trong khi Thiền sư Huệ Tuệ là pháp tử đời thứ năm nối dòng Yên Tử sau ngài Tiêu Diêu thì Tuệ Trung Thượng Sĩ vẫn được coi là là học trò xuất sắc nhất của vị tổ thứ tư dòng này.

- ▶ Theo Đại Việt Sử ký Toàn thư thì ngay khi biết vua Thái Tông rời kinh thành, Trần Thủ Độ đem các quan lên núi Yên Tử đón vua về kinh.
- ▶ Vua nói: “Trẫm còn trẻ tuổi chưa đáng được việc nặng nề, thì phu hoàng đã vội lìa bỏ, sớm mất chỗ trông cậy, trẫm không dám ở ngôi vua nữa mà làm nhục xã tắc”. Thủ Độ nài nỉ hai ba lần vua vẫn không nghe.
- ▶ Thủ Độ liền bảo mọi người: “Vua ở đâu thì lập triều ở đó”. Nói xong liền cấm nêu trong núi, nói rằng chỗ này là đền Thiên An, chỗ kia là gác Đoan Minh, và sai người xây dựng. Thiền sư Trúc Lâm thấy thế mới tâu vua: “Xin bệ hạ hãy gấp về kinh sư, chớ để làm hại đến núi rừng của lão tăng”. Vì vậy mà vua đành về kinh.
- ▶ Sau khi vua về kinh, việc nổi loạn của Trần Liễu mới được giải quyết. Trần Liễu tự thấy mình thế cô, tìm cách liên lạc với em xin hàng. Trần Thái Tông yêu cầu giải hòa rồi rút quân, Trần Thủ Độ tuy giận nhưng cũng nghe theo.

- ▶ Từ đó, Trần Thái Tông vừa lo việc nước, vừa “ngiên cứu nô dĩ điển... không phút nào quên” theo lời sách tấn của Đại sư Trúc Lâm. Trong bài tựa kinh Kim Cương Tam Muội được in lại trong Khóa Hư Lục, Trần Thái Tông có nói về sự học của ngài như sau:
- ▶ “Trẫm lo việc chấn dân, mỗi lúc gian nan thường lẫn lóc trong công việc, quên cả sớm chiều; công việc thì có hàng vạn thứ mà thì giờ nhàn rỗi không có được bao lâu. Siêng công việc, tiếc ngày giờ, trẫm cố học hành thêm, chữ nghĩa thì chưa biết được bao nhiêu cho nên ban đêm đến giờ khuya vẫn còn phải thức để đọc sách; học sách Nho rồi học kinh Phật”.
- ▶ Trần Thái Tông làm vua 32 năm rồi nhường ngôi cho con và làm Thái Thượng hoàng ngự ở cung Thiên Trường; ngài mất năm 60 tuổi, nghĩa là làm Thái Thượng hoàng tới 20 năm. Hẳn là khi ngự ở cung Thiên Trường, ngài có nhiều thì giờ hơn để học Phật. Không chỉ đọc và học, ngài còn viết và tác phẩm đầu tay của ngài là Thiền Tông Chỉ Nam được viết khi mới ngoài 30 tuổi.
- ▶ Nói chung hiện nay các tác phẩm của Trần Thái Tông chỉ còn được gom lại trong tập sách được gọi là Khóa Hư Lục.

các tác phẩm của ngài Trần Thái Tông:

- ▶ 1) Thiền Tông Chỉ Nam
- ▶ 2) Kim Cương Tam Muôi Kinh Chú Giải
- ▶ 3) Lục Thì Sám Hối Khoa Nghi
- ▶ 4) Bình Đẳng Lễ Sám Văn
- ▶ 5) Khóa Hư Lục
- ▶ 6) Thi Tập

B. Tư tưởng Tuệ Trung Thượng Sĩ

- ▶ Tuệ Trung Thượng Sĩ (1230-1291) tên thật Trần Quốc Tung, tước hiệu Hưng Ninh vương, là một nhà quân sự từng hai lần tham gia kháng chiến đánh đuổi quân Nguyên Mông xâm lược (năm 1285 và 1287).
- ▶ Ngài là người hướng dẫn vua Trần Nhân Tông vào cửa thiền và có nhiều ảnh hưởng đặt nền móng cho sự phát triển Thiền phái Trúc Lâm ở Đại Việt thế kỷ XIII-XIV.
- ▶ Trước hết, đối với Thượng sĩ, ngài không quan tâm đến sự phân biệt giữa phàm và thánh, giữa có tội và không có tội. Có lần Thiên Cảm hoàng hậu (là thân mẫu của vua Trần Nhân Tông và lại là em ruột của Tuệ Trung Thượng Sĩ) mời Tuệ Trung Thượng Sĩ là anh ruột của mình vào cung dự tiệc.
- ▶ Trên bàn có cả món mặn món chay, ngài gấp thức ăn không phân biệt. Khi được em hỏi người tu thiền như anh mà ăn thịt cá thì làm sao thành Phật, ngài trả lời: “Phật là Phật, anh là anh; anh không cần thành Phật. Phật không cần thành anh”.

- ▶ Trong lúc giáo hóa môn đệ, Tuệ Trung thường sử dụng những đòn mãnh liệt nhằm giải phóng người đối thoại khỏi những ngục tù của khái niệm về giáo lý tìm thấy trong kinh điển và trong các lời dạy của các vị cổ đức.
- ▶ Phương pháp của Tuệ Trung thường làm cho người đối thoại cảm thấy hoàn toàn lạc hướng và do đó mà thoát ly khỏi ngục tù của khái niệm.
- ▶ Không phải chỉ phá vỡ khái niệm, Tuệ Trung còn mời người đối thoại đi thẳng vào thế giới thực chứng bằng cách tháo tung mọi bức tường phân biệt vây quanh: đó là những bức tường mê ngộ và phàm thánh.
- ▶ Đây quả thực là phương pháp đốn ngộ của Đại thừa: nó hiến dâng cho người có thương căn thương trí cơ hội giác ngộ đột ngột khỏi căn trái qua trung gian của hàng chục năm tham khảo.

- ▶ Lần khác, vua Trần Nhân Tông hỏi: “Bach thương sĩ, chúng sinh quen cái nghiệp ăn thịt uống rượu thì làm thế nào mà thoát khỏi tội báo?”. Ngài trả lời: “Nếu có người đang đứng xây lưng lại, thỉnh linh vua đi qua sau lưng, người ấy không biết, cầm một vật gì ném nhằm vua. Thử hỏi: người ấy có sợ không, ông vua có giận không? Nên biết hai việc ấy không dính líu gì với nhau vậy”.
- ▶ Trong Thương Sĩ Hành Trang viết về tiểu sử của Tuệ Trung Thương Sĩ, vua Trần Nhân Tông đã nói về thái độ dẫn thân và hòa mình vào trong cuộc đời hướng đến việc phụng sự chúng sinh vốn là phong cách bình sinh của Tuệ Trung như sau: “Thương Sĩ sống giữa lòng thế tục, hòa ánh sáng mình trong cuộc đời bụi bặm; trong mọi cuộc tiếp xúc Thương Sĩ luôn luôn giữ thái độ hòa ái nên chưa bao giờ gặp phải những trường phiền nghịch.”
- ▶ Do đó, ngài có thể làm tiếp nối được hạt giống chánh pháp, diu dắt được những kẻ mới học. Ai đến tham cứu tìm học với ngài cũng được ngài chỉ dẫn sơ lược cho thấy phần cương yếu của đạo pháp khiến tâm họ có chỗ nương tựa. Thương Sĩ không bị ràng buộc bởi hình thức; khi thì ẩn tàng, khi thì lộ diện, ngài không chấp vào hình thức và danh từ”. Đây chính là quan niệm Hòa quang Đồng trần.

- ▶ Trong lúc giáo hóa môn đệ, Tuê Trung thường sử dụng những đòn mãnh liệt nhằm giải phóng người đối thoại khỏi những ngục tù của khái niệm về giáo lý tìm thấy trong kinh điển và trong các lời dạy của các vị cổ đức.
- ▶ Phương pháp của Tuê Trung thường làm cho người đối thoại cảm thấy hoàn toàn lạc hướng và do đó mà thoát ly khỏi ngục tù của khái niệm.
- ▶ Không phải chỉ phá vỡ khái niệm, Tuê Trung còn mời người đối thoại đi thẳng vào thế giới thực chứng bằng cách tháo tung mọi bức tường phân biệt vây quanh: đó là những bức tường mê ngộ và phàm thánh.
- ▶ Đây quả thực là phương pháp đốn ngộ của Đại thừa: nó hiến dâng cho người có thương căn thương trí cơ hội giác ngộ đột ngột khỏi căn trái qua trung gian của hàng chục năm tham khảo.

- ▶ Tuệ Trung từng giao cho Trần Nhân Tông hai bộ ngữ lục, một của Tuyết Đậu Trọng Hiến thuộc tông Vân Môn và một của Đại Huệ Tông Cảo thuộc phái Dương Kỳ tông Lâm Tế.
- ▶ Quan điểm Thiền học của Tuệ Trung có thể được khái quát hóa như sau: “... *Phật tử không cần một lý thuyết: nguyên tắc đơn giản của đạo Phật là hãy sống cuộc đời tư tai của chính mình, không cần đi tìm đâu cả. Thế tính của ta vẫn sáng trong, chưa từng bị mê hoặc, chỉ cần quay về tư thân là ta có thể làm hiển lộ nó, khỏi cần đi tìm Phật tìm Tổ*”.
- ▶ Tuệ Trung cũng đòi hỏi mọi người phải tự tìm lấy đường đi cho chính mình, không ai có thể chỉ bày cho ai.
- ▶ Một hôm, vua Trần Nhân Tông hỏi về tông chi Thiền phái của Tuệ Trung, ý của Nhân Tông muốn biết bí quyết giác ngộ mà Tuệ Trung đã được Thiền sư Tiêu Diêu trao truyền,
- ▶ Tuệ Trung trả lời: “*Hãy quay về tư thân mà tìm lấy tông chi ấy, không thể đạt được từ ai khác*”.

3.3.2. Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử

- ▶ Thiền phái Trúc Lâm bắt đầu từ sự kiện vua Trần Nhân Tông xuất gia tại chùa Hoa Yên núi Yên Tử.
- ▶ Mặc dù ban đầu ngài lấy hiệu Hương Vân Đầu Đà và được nhân là người truyền thừa chính thức của phái Yên Tử, thế hệ thứ sáu, tiếp nối vị tổ thứ năm là Thiền sư Huệ Tuệ, nhưng sau đó ngài đổi pháp hiệu là Trúc Lâm, thực hiện hoàn tất ước muốn của vua Trần Thái Tông là hợp nhất các Thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông và Thảo Đường.
- ▶ Ngài chuyển phái Thiền Yên Tử thành phái Trúc Lâm và trở thành Sơ tổ của Thiền phái Trúc Lâm. Ngài còn được gọi là Trúc Lâm Đầu Đà hay Điều Ngự Giác Hoàng.

3.3.2.1. Sơ tổ Trúc Lâm và Thiên phái Trúc Lâm

- ▶ Vua Trần Nhân Tông, vị vua thứ ba của triều Trần, là con trai trưởng của vua Trần Thánh Tông, thế danh Trần Khâm, sinh năm 1258, chỉ khoảng 10 tháng sau khi vua Trần Thái Tông (ông nội của ngài) đánh tan cuộc xâm lăng lần thứ nhất của quân Nguyên Mông.
- ▶ Năm 1278, ngài được vua cha là Trần Thánh Tông nhường ngôi, lúc ấy ngài mới 20 tuổi. Ngài làm vua 14 năm, trong thời gian đó ngài đã cùng vua cha lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông vào các năm 1285 và 1287.
- ▶ 1293 ngài nhường ngôi cho con là Trần Thuyên, tức vua Trần Anh Tông và ngay năm sau, 1294, ngài xuất gia tại hành cung Vũ Lâm (Ninh Bình).



- ▶ Trúc Lâm đã có ý không muốn làm vua và muốn nhường địa vị Đông cung Thái tử cho em. Sách Tam Tổ Thực Lục nói: “Một đêm vào giờ Tý, vua vượt thành mà đi, muốn vào núi Yên Tử. Đến chùa ở núi Đông Cứu thì trời sáng, liền vào ẩn trong tháp. Vị tăng trụ trì thấy tướng mạo dị thường liền đem thức ăn khoản đãi. Hôm ấy thái hậu và vua Thánh Tông sai quần thần tìm tứ tán, bắt đắc dĩ vua phải về. Khi lên ngôi, tuy ngôi lên chín bề vinh quang nhưng sinh hoạt rất thanh tịnh”
- ▶ Phần Thực lục về Trúc Lâm Đại Sĩ, tổ thứ nhất núi Yên Tử trong Tam Tổ Thực Lục không hề lên tiếng về sở học Thiền tông của Điều Ngự Giác Hoàng, chỉ cho biết ngài “thường tham vấn Tuệ Trung Thượng Sĩ, nhờ thế đạt được cốt tủy của thiền và thờ Tuệ Trung theo lễ của đệ tử thờ thầy”.
- ▶ Các nghiên cứu lịch sử nhân định rằng nếu Trần Thái Tông là người đặt nền tảng cho Thiền phái Trúc Lâm ra đời thì Trần Nhân Tông là người khai sáng ra thiền phái Trúc Lâm đời Trần.
- ▶ Trần Nhân Tông trở thành Sơ tổ Thiền phái Trúc Lâm, trên cơ sở hợp nhất ba thiền phái đang sinh hoạt hiện hữu: Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông và Thảo Đường. Học thuyết Cư trần lạc đạo mà Sơ tổ khởi xướng và đi vào đời sống hiện thực sinh hoạt Phật giáo Đại Việt bấy giờ. Đó chính là kết quả nỗ lực của dòng thiền này trong tiến trình Việt hóa để mang bản sắc dân tộc, nhằm đáp ứng nhu cầu tất yếu của lịch sử Phật giáo Việt Nam trong bối cảnh lịch sử thời đại mới - Thời đại độc lập tự chủ trên mọi phương diện, lĩnh vực kể cả tín ngưỡng tâm linh.

Điều Ngự Giác Hoàng có các trước tác như sau:

- ▶ 1) Thiền Lâm Thiết Chủ Nữ Lục
- ▶ 2) Trúc Lâm Hâu Lục
- ▶ 3) Thạch Thất My Ngữ
- ▶ 4) Đại Hương Hải Ấn Thi Tập
- ▶ 5) Tặng Già Toái Sự

- ▶ Ba tác phẩm đầu, Thiền Lâm Thiết Chủ Ngữ Lục, Trúc Lâm Hâu Lục và Thạch Thất My Ngữ là những sách tập hợp các bài kê tụng, những lời thiền ngữ và những đoạn vấn đáp giữa Trúc Lâm và môn đệ.
- ▶ Đại Hương Hải Ấn Thi Tập tập hợp những bài thơ của Trúc Lâm, một số bài còn được giữ lại trong các tuyển tập như Viết Âm Thi Tập, và Toàn Việt Thi Lục nhờ tính cách ít từ ngữ Phật Giáo của chúng.
- ▶ Tăng Già Toái Sự chắc là một tập văn xuôi có tính cách thực dụng trong giới thiền giả. Ngoài ra Điều Ngự Giác Hoàng còn để lại một bài phú và một bài ca viết bằng chữ Nôm là Cư Trần Lạc Đạo Phú và Đắc Thú Lâm Tuyền Thành Đạo Ca thể hiện tông chỉ hành đạo của ngài.
- ▶ Năm 1308 Điều Ngự Giác Hoàng chỉ định Thiền sư Pháp Loa là người nối pháp đồng thời đảm nhận quyền điều hành thiền phái Trúc Lâm.

Tư tưởng của Trúc Lâm Đầu Đà

- ▶ Trúc Lâm Đầu Đà được sống nhiều năm trong thiền viên, đã sinh hoạt theo thể thức và quy chế thiền viên.
- ▶ Ngài đã nhiều lần kết hạ an cư, giảng đàn thuyết pháp và chủ tọa những buổi đại tham, tức là những cuộc tham vấn về thiền trong đó toàn thể đại chúng đang tu học tại thiền viên đều được tham dự.
- ▶ *Thiền Đạo Yếu Học* là một phần trong sách *Tham Thiền Yếu Chỉ* của Thiền sư Pháp Loa, có chép lại nội dung những buổi đại tham do Trúc Lâm Đầu Đà chủ trì. Sau đây trích một đoạn trong *Thiền Đạo Yếu Học* thuật lại lời của Trúc Lâm Đầu Đà nói trong một buổi đại tham: “Đạo lớn bao la, làm sao ràng buộc bằng ý tưởng, thể tính lặng yên, không thiên không ác, hễ phân biệt thì sẽ xuất hiện nhiều mối phức tạp; hễ khởi ra một máy may quan niệm thì tức khắc sẽ tan biến. Phàm và Thánh cùng chung một mối, thi và phi đâu phải hai đường; cho nên hãy biết rằng trong tư tính thì tôi phúc vốn không, nhân quả chẳng thật, ai ai cũng có đủ thể tính ấy, người người đều đã viên thành”.

- ▶ Sự giác ngộ đạt đạo, theo Trúc Lâm phải được thực hiện ngay trong kiếp này. Thân mang và cuộc đời vô thường, đời người như một mùa xuân sẽ qua. Mùa xuân này không thể để cho nó trôi qua một cách vô ích; tiếng kêu thiết tha rơi máu của con chim đỗ quyên nhắc ta điều đó.
- ▶ Học thuyết Cư trần lạc đạo là đặc trưng tư tưởng của dòng thiền Trúc Lâm
- ▶ Việt Nam Phật giáo Sử luận của Nguyễn Lang nhận định rằng: “... Trúc Lâm là một nhà lãnh đạo Giáo hội hơn là một tư tưởng gia. Nhưng vua đã học Phật thấu đáo. Ý thức được rằng mình còn phải học nhiều nơi các ‘bậc tuê nhān’, Trúc Lâm dù ngồi trên ghế chủ tọa của các buổi đại tham vẫn thường giữ thái độ khiêm nhường”.

3.3.2.2. Nhị tổ Pháp Loa

- ▶ Ngài Pháp Loa (1284-1330) có thể danh là Đồng Kiên Cương, quê Nam Sách, tỉnh Hải Dương, sinh năm 1284, một năm trước khi xảy ra cuộc xâm lăng của Nguyên Mông lần thứ hai. Năm 1304, ở tuổi 20, vào dịp Sơ tổ Trúc Lâm du hành các miền thôn quê, phá trừ dâm tử, thuyết pháp, bố thí và cũng có ý muốn tìm người truyền đăng, ngài đã chủ động đến thể hiện lòng quy ngưỡng và xin xuất gia.
- ▶ Thấy ngài, cho rằng ngài có pháp nhãn, Sơ tổ chấp nhận nguyện vọng ấy, ban pháp danh Thiện Lai, gửi ngài tới tham học với Hòa thượng Tính Giác ở Quỳnh Quán. Thiện Lai tham vấn nhiều vấn đề với Hòa thượng Tính Giác nhưng chưa được khai thị. Khi đọc kinh *Lãng Nghiêm* đến đoạn A Nan bảy lần hỏi về vị trí của tâm và đoạn nói về khách trần, ngài có chỗ sở ngộ.
- ▶ Một hôm ngài về tham bái Sơ tổ, nghe Sơ tổ cử bài tụng *Thái Dương Ô Kê* khi thặng đường thì trong tâm chợt hiểu ra. Sơ tổ nhận biết điều ấy liền bảo ngài đi theo. Một hôm, ngài trình Sơ tổ một bài tụng về "tam yếu", bị Sơ tổ sở toẹt.

- ▶ Ngài thỉnh cầu nhiều lần đều không được Sơ tổ chỉ giáo mà bảo phải về tự mình suy nghĩ lấy. Đêm ấy, ngài về phòng nỗ lực thiền quán. Quá nửa đêm, do nhìn thấy hoa đèn rụng, ngài có được chỗ sở đắc, đem trình lên Sơ tổ và được ấn chứng. Từ đó ngài phát nguyện tu khổ hạnh theo hạnh của Sơ tổ.
- ▶ Năm 1305, ngài được Sơ tổ cho thọ giới Tỳ kheo và giới Bồ tát, ban hiệu là Pháp Loa. Năm 1306, ngài được Sơ tổ cử làm chủ giảng chùa Báo Ân. Tháng tư năm 1307 ngài lại được Sơ tổ dạy cho bộ *Đại Tuệ Ngữ Lục* tại am Thiên Bảo. Đến ngày rằm tháng năm, tại một am trên núi Ngọa Vân, ngài được Sơ tổ trao y bát và tâm kệ. Tính ra, ngài đắc pháp chỉ sau hơn 3 năm tu học.
- ▶ Mùng một Tết năm Mậu Thân (1308) ngài được chính thức giao trụ trì chùa Báo Ân ở Siêu Loại, đồng thời được chỉ định trở thành Nhị tổ của thiền phái Trúc Lâm. Buổi lễ truyền giao kế thế trụ trì chùa và lãnh đạo Thiền phái được Sơ tổ sắp đặt thật long trọng, có sự tham dự của vua Trần Anh Tông, người đứng đầu quốc gia đương thời. Bấy giờ Pháp Loa mới 24 tuổi.
- ▶ Pháp Loa viên tịch năm 1330, thọ 47 tuổi. Như vậy, ngài tu học suốt 26 năm trong đó đã có 23 năm chịu trách nhiệm chấp chương Thiền phái Trúc Lâm, cũng có nghĩa là lãnh đạo giáo hội đương thời. Việc ngài được giao phó quyền lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam thời bấy giờ có sự chứng kiến của quan gia nhà Trần, do đó, mọi hoạt động của ngài được nhiều thuận lợi.

- ▶ Về trước tác của Nhị tổ, *Tam Tổ Thực Lục* có liệt kê các tác phẩm sau:
- ▶ - *Thạch Thất My Ngữ Niêm Tụng*: Những lời nhận xét và những bài kệ tụng viết về tác phẩm *Thạch Thất My Ngữ* của Sơ tổ Trúc Lâm.
- ▶ - *Tham Thiên Yếu Chỉ*: Soạn năm 1322 theo lời yêu cầu của Thượng hoàng Minh Tông. Sau việc này, Minh Tông ban hiệu cho Pháp Loa là Minh Giác.
- ▶ - *Kim Cương Trường Đà La Ni Kinh Khoa Chú*: Phân tích và chú giải kinh *Kim Cương Trường Đà La Ni*.
- ▶ - *Pháp Hoa Kinh Khoa Sớ*: Phân tích và luận giải kinh *Pháp Hoa*.
- ▶ - *Lăng Già Kinh Khoa Sớ*: Phân tích và luận giải kinh *Lăng Già*.
- ▶ - *Bát Nhã Tâm Kinh Khoa Sớ*: Phân tích và luận giải *Tâm Kinh Bát Nhã*.
- ▶ - *Pháp Sự Khoa Văn*: Về các nghi thức và sớ điệp dùng trong những lễ lược Phật giáo.
- ▶ - *Độ Môn Trọ Thành Tập*: Các nghi thức về cúng đàn chẩn tế.
- ▶ - *Nhân Vương Hộ Quốc Nghi Quỹ*: Soạn riêng cho vua Minh Tông dùng.
- ▶ - *Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ Lục*: Biên tập những thiên ngữ và thi tụng của Tuệ Trung.

- ▶ Những tác phẩm trên đều thất lạc, duy có tác phẩm *Tham Thiên Yếu Chỉ*, chỉ được giữ lại một phần in dưới đầu đề là *Thiền Đạo Yếu Học*, thấy đặt năm sau phần lịch sử của Pháp Loa trong sách *Tam Tổ Thực Lục*.
- ▶ Nhị tổ Pháp Loa có làm thơ và những niêm tụng trong *Thạch Thất My Ngữ Niêm Tụng* cũng có giá trị văn học nhưng hiện chỉ còn lưu truyền 3 bài, một bài ca ngợi Tuệ Trung Thượng Sĩ được *Việt Nam Phật giáo Sử luận* khen là ngắn gọn và hay nhất trong số những bài viết đề ca ngợi Tuệ Trung trong *Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ Lục*, một bài kệ thị tịch và một bài *Nhập Tục Luyện Thanh Sơn*.

3.3.2.3. Tam tổ Huyền Quang

- ▶ Tổ Huyền Quang (1254-1334), thế danh Lý Đạo Tái, người hương Vạn Tải, châu **Nam Sách**, lộ Lạng Giang (nay thuộc xã Thái Bảo, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh). Học giỏi, đỗ cả thi hương, thi hội, được bổ làm việc trong Viện Nội Hàn của triều đình, tiếp sứ Bắc triều, nổi tiếng văn thơ. Sau từ chức đi tu, theo vua **Trần Nhân Tông** lên **Trúc Lâm**. Sư Huyền Quang thụ giáo với sư Bảo Phác ở chùa Vũ Ninh (**Bắc Ninh**). Ngài được cử làm thị giả của Trúc Lâm Đầu Đà và được ban pháp hiệu là Huyền Quang.
- ▶ Pháp Loa về trụ trì chùa Vân Yên (nay là chùa Hoa Yên) trên núi **Yên Tử**. Vì đa văn bác học, tinh thông đạo lý nên tăng chúng đua nhau đến học.
- ▶ Niên hiệu Đại Khánh thứ 4 (1317), ngài được Nhị tổ Pháp Loa truyền y của Trúc Lâm và tâm kệ. Sau khi tổ Pháp Loa tịch (1330), ngài kế thừa làm Tổ thứ ba của Thiền phái Trúc Lâm nhưng vì tuổi đã cao nên ngài giao phó trách nhiệm lại cho Quốc sư An Tâm.
- ▶ Ngài đến trụ trì chùa trên núi Thanh Mai 6 năm, sau dời sang Côn Sơn giáo hóa. Ngài viên tịch năm 1334 dưới thời vua **Trần Hiến Tông**, thọ 80 tuổi. Thượng hoàng **Trần Minh Tông** sắc thụ là Trúc Lâm Thiền sư Đệ tam đại, đặc phong Từ Pháp Huyền Quang tôn giả.

- ▶ Ngài Huyền Quang có soạn một số tài liệu giáo khoa theo đề nghị của Sơ tổ Trúc Lâm như sau:
- ▶ 1) *Chư Phẩm kinh*: tuyển tập những phẩm kinh thiết yếu và thực dụng.
- ▶ 2) *Thích Khoa giáo*: tập sách giáo khoa về đạo Phật.
- ▶ Quan điểm của Tam tổ Huyền Quang về vấn đề tu chứng được *Việt Nam Phật giáo Sử luận* tổng kết dựa trên những lời đối đáp diễn ra hai lần giữa Tam tổ và Nhị tổ khi ngài Pháp Loa sắp tịch, như sau:
- ▶ 1- Sống và chết chẳng qua là hai phương diện cùng một thực tại, cái mà Thiền sư Lâm Tế gọi là chân nhân vô vị (con người thực không có vị trí trong không gian và thời gian). Thực tại này không vì sinh mà có, không vì diệt mà mất.
- ▶ 2- Nếu ai thực chứng được thực tại bất sinh bất diệt ấy nơi bản thân thì người ấy sẽ đạt đạo và thoát khỏi sinh tử, hoàn toàn tự do.
- ▶ 3- Chưa thực chứng thì những lời tuyên bố về thực tại chỉ có tác dụng làm cho kẻ khác lầm lạc. Bản chất của Phật giáo là sự thực chứng chứ không phải là kiến thức thu thập được từ giáo điển và thầy tổ.

- ▶ Ngài Huyền Quang có soạn một số tài liệu giáo khoa theo đề nghị của Sơ tổ Trúc Lâm như sau:
- ▶ 1) *Chư Phẩm kinh*: tuyển tập những phẩm kinh thiết yếu và thực dụng.
- ▶ 2) *Thích Khoa giáo*: tập sách giáo khoa về đạo Phật.
- ▶ Quan điểm của Tam tổ Huyền Quang về vấn đề tu chứng được *Việt Nam Phật giáo Sử luận* tổng kết dựa trên những lời đối đáp diễn ra hai lần giữa Tam tổ và Nhị tổ khi ngài Pháp Loa sắp tịch, như sau:
- ▶ 1- Sống và chết chẳng qua là hai phương diện cùng một thực tại, cái mà Thiền sư Lâm Tế gọi là chân nhân vô vị (con người thực không có vị trí trong không gian và thời gian). Thực tại này không vì sinh mà có, không vì diệt mà mất.
- ▶ 2- Nếu ai thực chứng được thực tại bất sinh bất diệt ấy nơi bản thân thì người ấy sẽ đạt đạo và thoát khỏi sinh tử, hoàn toàn tự do.
- ▶ 3- Chưa thực chứng thì những lời tuyên bố về thực tại chỉ có tác dụng làm cho kẻ khác lầm lạc. Bản chất của Phật giáo là sự thực chứng chứ không phải là kiến thức thu thập được từ giáo điển và thầy tổ.



3.3.3. Thành tựu Phật giáo Việt Nam thời Trần

- ▶ Cụ thể là những thành tựu của Thiền phái Trúc Lâm, và như vậy, cụ thể là những công việc do Nhị tổ Pháp Loa thực hiện, vì Sơ tổ Trúc Lâm chỉ bắt đầu gây dựng nên bộ khung của Thiền phái, rồi người thực sự tiến hành các chương trình cụ thể là Nhị tổ Pháp Loa.
- ▶ *Về việc truyền giới:* Bắt đầu từ năm 1308, nghĩa là ngay sau khi chấp chương trọng trách lãnh đạo Thiền phái Trúc Lâm, Nhị tổ Pháp Loa đã được cung thỉnh tổ chức các giới đàn truyền giới cho các vị vương tôn trong hoàng gia và ngay cả các nhà vua đương thời như Trần Anh Tông và Trần Minh Tông.
- ▶ Từ năm 1320 trở đi, thỉnh thoảng ngài còn được yêu cầu ban phép quán đảnh cho một số người; năm 1326, ngài ban phép quán đảnh cho vua Trần Minh Tông.

Về việc giảng Kinh:



- ▶ Kể từ năm 1310, Nhị tổ thường tổ chức các cuộc diễn giảng những kinh luận quan trọng.
- ▶ *Thực lục* ghi nhận Nhị tổ chú ý giảng các kinh *Hoa Nghiêm*, kinh *Viên Giác*, kinh *Duy Ma Cát*, kinh *Kim Cương*, kinh *Thủ Lăng Nghiêm*; lịch sử truyền thừa như *Truyền đăng lục*, những lời dạy của chư Tổ như *Đại Tuệ ngữ lục*, *Tuyệt Đâu ngữ lục*, *Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục*, *Thiền lâm Thiết chủ Ngữ lục* của *Điều Ngự Giác Hoàng*...
- ▶ Những khóa giảng do Nhị tổ mở ra thu hút nhiều thính chúng, người nghe quy tụ hàng ngàn; ít thì cũng năm sáu trăm người.

Về việc in Đại Tạng Kinh:

- ▶ *Tam tổ Thực lục* ghi lại về việc in Đại Tạng kinh không cho người đọc hình dung được quy mô của sự việc. Thực tế, công việc kéo dài nhiều năm, đòi hỏi sự phối hợp nhịp nhàng của nhiều bộ phận. Cụ thể như sau:
- ▶ Tháng hai năm Ất Mùi (1295) có sứ nhà Nguyên là Tiêu Thái Đăng sang. Khi Tiêu Thái Đăng về nước, vua Anh Tông cử hai vị Viên ngoại lang là Trần Khắc Dụng và Phạm Thào đi theo, mục đích là thỉnh một ấn bản Đại Tạng kinh mới nhất của Trung Hoa. Ấn bản này sau được cất ở phủ Thiên Trường.
- ▶ *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* chép là “*Bản phó được in để lưu hành*”, nghĩa là đã bắt đầu cho in lại để lưu hành, chứ bản gốc thì phải lưu ở phủ Thiên Trường. Sách *Tam Tổ Thực Lục* nói đến năm 1311, nghĩa là 3 năm sau khi Điều Ngự Giác Hoàng tịch, vua Anh Tông ban chiếu *Tục soạn Đại Tạng kinh*. Như vậy là việc khắc bản được bắt đầu từ năm 1295 hoặc đầu năm 1296, rồi công việc bị gián đoạn vào năm 1308 khi Trúc Lâm mất, cho đến năm 1311 mới lại tiếp tục. Pháp Loa đã ủy cho Bảo Sát, đệ tử đầu tiên của Trúc Lâm và là sư huynh của Pháp Loa, chủ trương việc khắc bản...

- ▶ Về bản *Đại Tạng* kinh mới nhất này, đây là ấn bản thực hiện trong khoảng từ năm 1278 tới năm 1294 tại chùa Phổ Minh ở Hàng Châu, gồm có 1.422 mục, 6.100 quyển, đóng lại trong 587 tập... Công việc khắc bản gỗ *Đại Tạng* kinh đã tiến hành trong bao lâu? Ta chỉ thấy nói vào tháng chạp năm Kỷ Mùi (1319), tăng sĩ và cư sĩ cùng hiến máu in một *Đại Tạng* kinh trên 5.000 quyển để an trí tại chùa Quỳnh Lâm.
- ▶ Đây có lẽ là bản in đầu tiên để khánh thành; chính tổ Pháp Loa đã kêu gọi việc hiến máu. Như vậy là việc khắc bản đã hoàn thành vào năm 1319; thời gian khắc bản là 24 năm, kể cả 3 năm công việc bị gián đoạn. Về quy mô của công việc in *Đại Tạng* kinh,
- ▶ *Việt Nam Phật giáo Sử luận* nói: “Ta nên biết việc khắc bản *Đại Tạng* kinh là một công trình vĩ đại mà không có chùa nào hồi đó đủ sức một mình tự làm. Bảo Phác chắc hẳn đã thực hiện ấn bản này với sự ủng hộ tận lực của triều đình, và dưới quyền Thiền sư chắc chắn có hàng trăm người viết chữ và có hàng trăm người khắc bản. Chắc rằng nếu không có sự trợ lực về tài chính và nhân công của chính quyền thì Bảo Phác đã không thể nào làm được việc ấy”.
- ▶ Và tác giả *Việt Nam Phật giáo Sử luận* bắt buộc phải thốt lên lời than vãn: “Rất tiếc ta không còn giữ lại được một bản gỗ nào hoặc một quyển kinh nào để có thể đánh giá được kỹ thuật ấn loát thời đó. Khi nhà Minh xâm chiếm Đại Việt, tướng Trương Phụ đã thu góp hết cả mọi sách cổ kim chở về Kim Lăng. Mộc bản *Đại Tạng* kinh hoặc đã bị quân Minh chở đi hoặc là thiếu hủy. Những công trình xây dựng một nền văn học độc lập của nước ta đã bị Trương Phụ phá hủy quá nhiều”.

Công việc tổ chức giáo hội:

- ▶ Từ năm 1310, theo đề nghị của Nhị tổ, giới đàn chỉ được tổ chức mỗi 3 năm một kỳ sau khi có sơ tuyển. Tháng 9 năm 1313, Nhị tổ đến chùa Vĩnh Nghiêm ở Lạng Giang thực hiện việc kiểm tra tự viện và làm sổ tăng tịch trên cả nước.
- ▶ Đây là lần đầu tiên Phật giáo Việt Nam quản lý tăng sĩ từ trung ương. Tính đến năm 1329, số tăng sĩ được xuất gia trong những giới đàn do giáo hội Trúc Lâm tổ chức dưới quyền lãnh đạo của Pháp Loa là trên 15.000 vị. Đệ tử đặc pháp của ngài được
- ▶ *Tam Bảo Thực Lục* ghi nhận tới 3.000 người, nhưng gần đây việc phát hiện bìa Thanh Mai cho thấy *Tam Bảo Thực Lục* ghi nhầm và xác định là số đệ tử đặc pháp của ngài chỉ là trên 30 vị. Cũng trong hoạt động tổ chức giáo hội, ngài đã chú tâm đến việc phổ biến Luật tạng.
- ▶ Năm 1322, ngài cho khắc bản *Tứ Phần Luật* rồi in ra 5.000 bản phân phát cho học giới. Ngài yêu cầu hai vị sư huynh Bảo Phác và Tông Cảnh tổ chức các lớp dạy *Tứ Phần Luật* cho chư tăng.

3.3.4. Phật giáo suy thoái cuối thời Trần

- ▶ Sau khi tổ Huyền Quang tịch vào năm 1334, các hoạt động Phật giáo thời nhà Trần trở nên trầm lắng. Điều hết sức rõ là tổ Huyền Quang nhận trách vụ lãnh đạo giáo hội lúc ngài đã 77 tuổi.
- ▶ Ngài không còn muốn giao du liên lạc với vua quan trong triều nữa. Ngài ở yên trong núi Côn Sơn. Thực ra, khó có thể khiến Phật giáo Trúc Lâm tiếp tục hưng thịnh khi mà xã hội bắt đầu phân hóa chia rẽ vì lý do tranh chấp ý thức hệ, khi mà các nhà lãnh đạo quốc gia không có khả năng đoán đúng người, khi mà nho thần nghĩ rằng chỉ có Nho giáo mới là đạo Thánh, còn Phật giáo là tín ngưỡng có hại cho quốc gia.
- ▶ Hơn nữa, một giáo hội dựa quá nhiều trên thế lực triều đình để phát triển mà không biết quay về tìm thế đứng trong dân gian, thì một khi sự ủng hộ triều đình không còn, giáo hội ấy hẳn nhiên sẽ thiếu lượng tựa và hiện tượng suy đồi là chuyện hiển nhiên phải tới.